

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

ĐÀO THỊ THANH NHÂN

QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TỨ KỲ
CỦA CHI CỤC THUẾ KHU VỰC TỨ LỘC

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Hải Dương, năm 2025

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

ĐÀO THỊ THANH NHÀN

**QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TỨ KỲ
CỦA CHI CỤC THUẾ KHU VỰC TỨ LỘC**

Ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 8310110

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS. Phạm Văn Hùng

TS. Nguyễn Phương Ngọc

Hải Dương, năm 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan bản đề án “**Quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc**” là công trình nghiên cứu của tôi. Các số liệu, kết quả trình bày trong Đề án là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

Tôi xin cam đoan rằng mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện Đề án này đã được cảm ơn và các thông tin trích dẫn trong Đề án đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Học viên thực hiện Đề án

Đào Thị Thanh Nhân

LỜI CẢM ƠN

Trong khoảng thời gian thực hiện đề tài đề án tốt nghiệp, tôi đã gặp nhiều khó khăn trong việc chuẩn bị tài liệu, thu thập dữ liệu sơ cấp và thứ cấp. Tuy nhiên, với sự nỗ lực của bản thân và sự giúp đỡ tận tình các thầy cô giáo, bạn bè và đồng nghiệp, tôi đã hoàn thành đề án của mình.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các thầy cô trong Ban Giám hiệu Trường Đại học Hải Dương, Khoa Sau đại học đã động viên và tạo mọi điều kiện để tôi có thể yên tâm với công việc nghiên cứu.

Hơn hết, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới PGS.TS. Phạm Văn Hùng và TS. Nguyễn Phương Ngọc - những người đã hướng dẫn chỉ bảo tận tình, động viên tôi trong suốt quá trình nghiên cứu để hoàn thành đề án này.

Tôi xin chân thành cảm ơn lãnh đạo, cán bộ công nhân viên các Bộ, Ban ngành gồm: Cục Thuế tỉnh Hải Dương, Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc, Kho bạc huyện Tứ Kỳ, các phòng, ban chức năng của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc ... đã hỗ trợ cung cấp tài liệu để tôi có cơ sở thực tiễn bổ sung vào bài viết.

Mặc dù đã cố gắng hoàn thành nội dung nghiên cứu bằng tất cả năng lực và sự nhiệt tình của bản thân, tuy nhiên đề án này không thể tránh khỏi những thiếu sót, tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp quý báu của các thầy, cô và đồng nghiệp để tôi hoàn thiện hơn nữa nhận thức của mình.

Xin chân thành cảm ơn!

Học viên thực hiện Đề án

Đào Thị Thanh Nhân

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN.....	i
LỜI CẢM ƠN.....	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	vi
DANH MỤC BẢNG	vii
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ	viii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do lựa chọn đề tài	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu	2
3. Mục tiêu của đề án	4
4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề án	5
5. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin thực hiện đề án	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án	7
7. Cấu trúc đề án	7
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC TƯ LỘC.....	8
1.1. Cơ sở lý luận về quản lý thuế thu nhập cá nhân.....	8
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc quản lý thuế thu nhập cá nhân	8
1.1.2. Nội dung của công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân.....	11
1.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý thuế thu nhập cá nhân.....	23
1.1.4. Các tiêu chí đánh giá công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân	27
1.2. Cơ sở thực tiễn về quản lý thuế thu nhập cá nhân	29
1.2.1. Kinh nghiệm quản lý thuế thu nhập cá nhân tại cơ quan thuế ở một số địa phương	29
1.2.2. Bài học đối với Chi cục Thuế khu vực Tư Lộc	33
KẾT LUẬN CHƯƠNG 1	35

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TỨ KỲ CỦA CHI CỤC THUẾ KHU VỰC TỨ LỘC GIAI ĐOẠN 2022-2024.....36

2.1. Khái quát về Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc và kết quả thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ36

2.1.1. Khái quát về điều kiện kinh tế - xã hội huyện Tứ Kỳ và đặc điểm người nộp thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ.....36

2.1.2. Khái quát chung về Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc40

2.1.3. Kết quả thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ giai đoạn 2022-2024.....45

2.2. Thực trạng quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc48

2.2.1. Thực trạng công tác Tuyên truyền - hỗ trợ người nộp thuế.....48

2.2.2. Thực trạng công tác Đăng ký thuế; Khai – kế toán thuế.....50

2.2.3. Thực trạng công tác Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế57

2.2.4. Thực trạng công tác Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế.58

2.2.5. Thực trạng công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế.....60

2.3. Đánh giá công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc61

2.3.1. Những kết quả đạt được61

2.3.2. Hạn chế.....66

2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế67

KẾT LUẬN CHƯƠNG 269

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TỨ KỲ CỦA CHI CỤC THUẾ KHU VỰC TỨ LỘC 70

3.1. Quan điểm, định hướng, mục tiêu hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc70

3.1.1. Quan điểm70

3.1.2. Định hướng.....72

3.1.3. Mục tiêu	73
3.2. Các giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lặc	74
3.2.1. <i>Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế</i>	75
3.2.2. <i>Hoàn thiện quản lý đăng ký thuế, kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân ..</i>	77
3.2.3. <i>Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế</i>	78
3.2.4. <i>Tăng cường đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế</i>	79
3.2.5. <i>Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ công chức</i>	81
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3	84
KẾT LUẬN	85
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	VIẾT ĐẦY ĐỦ
KBNN	Kho bạc Nhà nước
TNCN	Thu nhập cá nhân
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NSNN	Ngân sách Nhà nước
QLT	Quản lý thuế
QLNN	Quản lý nhà nước
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Biểu thuế lũy tiến từng phần	15
Bảng 1.2. Biểu thuế suất toàn phần	15
Bảng 2.1. Tình hình nhân sự Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc.....	44
Bảng 2.2. Kết quả thực hiện thu NSNN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc giai đoạn 2021-2023	45
Bảng 2.3. Tổng hợp kết quả thu thuế TNCN của huyện Tứ Kỳ giai đoạn 2021 - 2023 phân theo nguồn thu	47
Bảng 2.4. Tình hình tuyên truyền chính sách thuế TNCN.....	49
Bảng 2.5. Tình hình cấp MST cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ giai đoạn 2021-2023...	51
Bảng 2.6. Tình hình nộp tờ khai thuế TNCN tại huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc giai đoạn 2021-2023.....	52
Bảng 2.7. Số lượng hồ sơ và số tiền hoàn thuế TNCN tại huyện Tứ Kỳ từ năm 2021 đến năm 2023	58
Bảng 2.8. Kết quả kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế TNCN	59
Bảng 2.9. Số liệu nợ thuế TNCN của cơ quan chi trả các năm 2021 - 2023 tại huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc	61

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc.....	40
Biểu đồ 2.1. Tổng hợp kết quả thu thuế TNCN tại huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc giai đoạn 2021-2023	46
Biểu đồ 2.2. Số NNT thực hiện quyết toán thuế qua 2 hình thức tại huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc từ 2021-2023	56

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài

Thuế là nguồn thu chủ yếu, lâu dài và là bộ phận quan trọng nhất của ngân sách nhà nước, góp phần to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Mục tiêu quan trọng của mỗi quốc gia là xây dựng được một hệ thống thuế có hiệu lực và hiệu quả cao. Điều này không chỉ phụ thuộc vào chính sách thuế hợp lý mà còn phụ thuộc rất lớn vào công tác quản lý thuế của Nhà nước.

Trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, nền kinh tế đã và đang trên đà tăng trưởng nhanh tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có cơ hội đầu tư, sản xuất kinh doanh, có thêm nhiều nguồn thu nhập khác nhau: thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, từ dịch vụ và đầu tư tài chính,.....Cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, số người nước ngoài đến làm ăn, sinh sống tại Việt Nam và số người Việt Nam có thu nhập từ nước ngoài cũng tăng lên. Sự đa dạng và gia tăng thu nhập của các cá nhân trong xã hội sẽ làm cho khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư ngày càng lớn; đòi hỏi Chính phủ cần có sự can thiệp nhằm điều chỉnh mức chênh lệch thu nhập và phân hóa giàu nghèo quá lớn giữa các cá nhân. Các điều chỉnh này có hiệu quả hay không phụ thuộc lớn vào công tác quản lý thuế nói chung và thuế thu nhập cá nhân (TNCN) nói riêng.

Thuế thu nhập cá nhân ra đời rất lâu trong lịch sử và được coi là sắc thuế quan trọng nhất để thực hiện mục tiêu công bằng xã hội. Cho đến nay, thuế TNCN đã trở thành một sắc thuế cơ bản, giữ vai trò trung tâm trong hệ thống thuế của các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là các nước phát triển. Bởi ngoài mục tiêu phân phối lại thu nhập, đảm bảo công bằng xã hội, thuế TNCN còn là sắc thuế có tỉ trọng đóng góp cao trong tổng nguồn thu ngân sách của Nhà nước. Hiện nay, đã có hơn 180 nước áp dụng thuế TNCN và thuế TNCN đã trở thành một bộ phận quan trọng trong hệ thống chính sách thuế của nhiều quốc gia trên thế giới. Ở Việt Nam, thuế TNCN đang được áp dụng theo Luật Thuế Thu nhập cá nhân do Quốc hội ban hành ngày 21/11/2007 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 nhằm động viên sự đóng góp của những cá nhân có thu nhập cao trong xã hội vào NSNN.

Để đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội ổn định, bền vững và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, việc tiếp tục hoàn thiện các chính sách tài chính trong đó hệ thống chính sách thuế nói chung, thuế TNCN nói riêng là hết sức cần thiết, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ phân bổ nguồn lực đồng thời giải quyết tốt các mối quan hệ giữa tiết kiệm, đầu tư và tiêu dùng, giữa tăng trưởng với công bằng xã hội và xoá đói giảm nghèo. Việc ban hành Luật Thuế thu nhập cá nhân góp phần tăng cường công tác kiểm soát, phân phối thu nhập và điều tiết vĩ mô nền kinh tế - xã hội.

Trong thời gian qua, công tác quản lý thuế TNCN ở Việt Nam nói chung và công tác quản lý thuế TNCN ở huyện Tứ Kỳ nói riêng đã bộc lộ một số hạn chế, tồn tại, bất cập (việc ban hành chính sách còn chông chéo; tổ chức thực hiện chính sách kém hiệu quả; kiểm soát thực hiện chính sách, tuyên truyền chính sách thuế TNCN đến các cá nhân, tổ chức trong xã hội chưa đạt hiệu quả cao; công tác tin học hóa trong quản lý thuế TNCN chưa được nâng cao) làm giảm hiệu quả của chính sách thuế TNCN trong xã hội. Ngoài ra, đã có nhiều công trình cấp địa phương, Trung ương nghiên cứu về vấn đề quản lý thuế TNCN, tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu cụ thể quản lý thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ. Với thời gian công tác tại Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc từ năm 2021 đến nay, qua thực tế có cơ hội tìm hiểu thực trạng về công tác quản lý thuế trên địa bàn, tôi đã chọn đề tài ***“Quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc”*** làm đề tài đề án tốt nghiệp thạc sĩ.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Đã có nhiều công trình nghiên cứu vấn đề quản lý thuế TNCN, nhưng mỗi công trình nghiên cứu ở những khía cạnh khác nhau, tại các địa phương khác nhau. Trong quá trình tìm hiểu, nghiên cứu đề tài, tôi đã có cơ hội tiếp cận, tham khảo một số công trình khoa học tiêu biểu có liên quan đến đề tài như sau:

- Ths. Nguyễn Thị Nụ (năm 2013), *Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh*, luận văn thạc sĩ kinh tế Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội. Luận văn đã phân tích thực trạng của công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh.

Đồng thời tác giả đã đề xuất một số giải pháp nhằm tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện.

- Ths. Trịnh Thị Thu Hiền (năm 2015), *Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột*, luận văn thạc sĩ kinh tế Đại học Đà Nẵng. Luận văn này đã phân tích, đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, nêu lên những thành tựu và hạn chế trong công tác quản lý thuế TNCN. Tác giả đã đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột để phát huy tốt vai trò của Luật Thuế thu nhập cá nhân.

- Tiến sĩ Nguyễn Thị Mai Dung (năm 2018), *Hoàn thiện pháp luật quản lý thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam hiện nay*, luận án tiến sĩ luật học tại Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học xã hội. Luận án đã phân tích các quy định về quản lý thuế TNCN, đồng thời đánh giá thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật đó, từ đó đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật tại Việt Nam trong thời gian tới.

- Ths. Trần Thị Chung (năm 2021), *Hoàn thiện quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Cục Thuế tỉnh Đắk Nông*, luận văn thạc sĩ kinh tế Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh. Luận văn đã đưa ra những hạn chế lớn trong quá trình quản lý thuế TNCN trên địa bàn tỉnh Đắk Nông nhằm phân tích đánh giá và hoàn thiện công tác quản lý trên địa bàn.

- Ths. Nguyễn Quốc Dũng (năm 2022), *Quản lý thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần tại tỉnh Đồng Tháp* (năm 2022). Luận văn đi sâu nghiên cứu các vấn đề xoay quanh chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần tại tỉnh Đồng Tháp. Tác giả đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN tại địa phương trong thời gian tới.

- Ths. Nguyễn Thị Lan Hương (năm 2022), *Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh* luận văn thạc sĩ kinh tế Trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên. Luận văn này tác giả đã phân tích tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu, tổng hợp một số kinh nghiệm quản lý thuế TNCN ở một số địa phương trong nước cũng như trên thế giới

để rút ra những kinh nghiệm trong quản lý thuế TNCN cho địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Đồng thời tác giả đã phân tích đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh nhằm làm rõ những kết quả đã đạt được và nêu lên những hạn chế còn tồn tại. Từ đó tác giả đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

- Ths. Nguyễn Thị Quỳnh Anh (năm 2024), Quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Chi cục Thuế khu vực Cẩm Bình luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế Trường Đại học Hải Dương. Tác giả phân tích được những hạn chế và chỉ ra những nguyên nhân cụ thể trong công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn. Từ đó, đề xuất những giải pháp mang tính chiến lược, khả thi trong công tác quản lý thuế góp phần hoàn thiện quản lý thuế TNCN trong thời gian tới

Các công trình nghiên cứu trên đây đã đề cập và làm rõ một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác quản lý thuế TNCN; một số đề tài đều đã đề cập đến vai trò của Nhà nước về quản lý thuế và cũng đã có các đề tài nghiên cứu về cơ chế quản lý thuế với kinh tế tư nhân. Tuy nhiên do mục đích nghiên cứu của từng công trình mà trong các công trình trên vấn đề lý luận chưa được sắp xếp một cách hệ thống và một số vấn đề cụ thể về công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân cần được làm rõ hơn. Về thực tiễn, công tác quản lý thuế TNCN tại Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc, tỉnh Hải Dương chưa có công trình nào nghiên cứu và chưa có đề xuất cụ thể nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài này là cấp thiết và không trùng với những nghiên cứu trước đó về không gian và thời gian nghiên cứu.

3. Mục tiêu của đề án

- *Mục tiêu chung*: Dựa trên cơ sở khoa học về quản lý thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương để đánh giá thực trạng rút ra được những kết quả đạt được đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý thuế TNCN tại Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc, tỉnh Hải Dương.

- *Mục tiêu cụ thể*:

+ Hệ thống hoá cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn về công tác quản lý thuế TNCN tại cơ quan thuế cấp huyện.

+ Phân tích đánh giá thực trạng công tác quản lý thuế TNCN tại huyện Tứ Kỳ tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022-2024, chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân.

+ Đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN tại huyện Tứ Kỳ trong thời gian tới.

4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của đề án

Đối tượng nghiên cứu: Đề tài đi sâu nghiên cứu các vấn đề lý luận và thực tiễn công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ.

Phạm vi nghiên cứu:

+ Về đề tài: Đề án nghiên cứu những lý luận cơ bản về quản lý thuế TNCN. Cụ thể, tác giả tìm hiểu những khái niệm về quản lý thuế, thuế TNCN, nội dung các công tác trong quy trình quản lý thuế TNCN, các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế TNCN.... Trên cơ sở đó tác giả đi sâu tìm hiểu thực trạng công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc.

+ Về không gian: Đề án nghiên cứu về thực trạng công tác quản lý thuế TNCN trong phạm vi huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, có đối chiếu so sánh với một số địa phương trong nước.

+ Về thời gian: Đề án giới hạn sử dụng dữ liệu thứ cấp nghiên cứu thực trạng trong 3 năm gần đây (2022-2024). Đề án định hướng đề xuất giải pháp và kiến nghị hoàn thiện quản lý thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ trong thời gian tới.

5. Phương pháp thu thập, xử lý thông tin thực hiện đề án

5.1. Phương pháp thu thập thông tin

- Thu thập dữ liệu thứ cấp:

+ Thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý thuế hộ kinh doanh ở sách, báo, tạp chí chuyên ngành, hội thảo, các báo cáo có liên quan, báo cáo khoa học đã được công bố, các trang web, các bài báo trên mạng internet, ... có liên quan đến đề tài;

+ Thu thập các thông tin, số liệu về đặc điểm tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội của huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, tại Chi cục Thống kê, Văn phòng HĐND - UBND huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan;

- + Thu thập thông tin về các vấn đề có liên quan đến công tác quản lý thuế TNCN do Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc quản lý;
- + Các bài báo, tạp chí khoa học chuyên ngành kinh tế, quản lý thuế;
- + Các công trình nghiên cứu, dự án thực hiện trên địa bàn.

Các dữ liệu thứ cấp nêu trên được thu thập nhằm phân tích một số kết quả hoạt động quản lý thuế TNCN.

Ngoài ra, tác giả tham khảo các loại sách, báo, tài liệu chuyên ngành, các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến vấn đề và lĩnh vực nghiên cứu để qua đó hệ thống hóa nhằm xây dựng cơ sở khoa học cho việc tiếp cận, phân tích và giải quyết vấn đề cụ thể đối với trường hợp nghiên cứu tại Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc, tỉnh Hải Dương được đặt ra ở mục tiêu nghiên cứu.

- Thu thập thông tin sơ cấp:

- + Khảo sát và bảng câu hỏi, bằng việc đặt ra các câu hỏi và mẫu trả lời trên phiếu đánh giá gửi tới một nhóm cá nhân bất kỳ trong thời gian nhất định để đánh giá mức độ hài lòng đối với công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn.

5.2. Phương pháp dự kiến phân tích số liệu, thông tin

Phương pháp thống kê mô tả số tuyệt đối, tương đối để xác định sự biến động của các hiện tượng kinh tế - xã hội trong một thời gian và không gian nhất định. Sử dụng phương pháp này để phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc về công tác quản lý thuế hộ kinh doanh.

Phương pháp so sánh: đối chiếu các chỉ tiêu, hiện tượng đã được lượng hóa có cùng nội dung, tính chất tương tự để đánh giá. Trên cơ sở đó đánh giá mặt tích cực, hạn chế, hiệu quả hay không hiệu quả để tìm ra các giải pháp tối ưu trong từng trường hợp.

Phương pháp đánh giá: Dựa trên các số liệu đã phân tích để đưa ra nhìn nhận, đánh giá đối với thực trạng vấn đề nghiên cứu. Từ đó đưa ra những ưu điểm và hạn chế trong công tác quản lý của Nhà nước, tìm được nguyên nhân, phương pháp hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý này.

Ngoài ra, trong quá trình hoàn thành đề án còn sử dụng các phương pháp khác như phương pháp đồ thị, biểu đồ, hình vẽ. Từ các bảng số liệu, lập ra biểu đồ để thông qua đó quan sát và rút ra những đánh giá tổng quát về công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án

Về khoa học: Đề tài đã góp phần hệ thống hóa và sáng tỏ thêm một số vấn đề lý luận cơ bản về quản lý thuế thu nhập cá nhân; các chỉ tiêu phản ánh kết quả thu thuế và nội dung quản lý nhà nước về quản lý thuế TNCN.

Về thực tiễn: Đề tài có thể làm tài liệu tham khảo có giá trị cho công tác đào tạo của các trường đại học, cao đẳng khối kinh tế và quản trị kinh doanh. Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể đóng góp kinh nghiệm cho các cơ quan nghiên cứu, các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý thuế TNCN; đúc kết kinh nghiệm cho Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc và các Chi cục Thuế trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

7. Cấu trúc đề án

Ngoài lời mở đầu và kết luận, Đề án được kết cấu gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và kinh nghiệm về quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc.

Chương 2: Thực trạng quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc giai đoạn 2022-2024.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM VỀ QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TẠI CHI CỤC THUẾ KHU VỰC TƯ LỘC

1.1. Cơ sở lý luận về quản lý thuế thu nhập cá nhân

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc quản lý thuế thu nhập cá nhân

a. Khái niệm thuế thu nhập cá nhân

Thuế TNCN đã ra đời cách đây hàng trăm năm. Các quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển đều coi thuế TNCN là một trong những sắc thuế có tầm quan trọng đặc biệt. Nó không chỉ huy động nguồn thu cho NSNN một cách hiệu quả, thực hiện phân phối công bằng xã hội một cách đắc lực mà còn góp phần không nhỏ trong việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Về nguyên tắc, bất kỳ một cá nhân nào khi nhận được thu nhập dưới bất cứ hình thái nào (tiền hay hiện vật) và bất kể từ nguồn nào (từ lao động, kinh doanh hay đầu tư...) đều phải trích một phần từ thu nhập đó để nộp cho Nhà nước dưới dạng thuế thu nhập.

Vậy ta có khái niệm về thuế thu nhập cá nhân như sau: *“Thuế thu nhập cá nhân là một loại thuế trực thu đánh vào thu nhập thực nhận của các cá nhân trong một năm, từng tháng hoặc từng lần”*.

Thuế TNCN trên thế giới thông thường đánh vào cả cá nhân kinh doanh và cá nhân không kinh doanh. Đây là một loại thuế đặc biệt vì có lưu ý đến hoàn cảnh của các cá nhân có thu nhập phải nộp thuế thông qua việc xác định miễn, giảm thuế hoặc các khoản giảm trừ.

b. Khái niệm về quản lý thuế thu nhập cá nhân

Để có thể hiểu quản lý thuế một cách đúng đắn và đầy đủ thì trước tiên cần hiểu thế nào là *quản lý*. Với mỗi cách tiếp cận khác nhau, “quản lý” được định nghĩa theo các góc độ khoa học khác nhau. Theo Henry Fayol (1886 – 1925) là người đầu tiên tiếp cận quản lý theo quy trình, quan niệm rằng: *“Quản lý là một tiến trình bao gồm tất cả các khâu: lập kế hoạch, tổ chức, phân công điều khiển và kiểm soát các nỗ lực của cá nhân, bộ phận và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực vật chất khác của tổ chức để đạt được mục tiêu đã đề ra”*.

Stephan Robbins quan niệm: “*Quản lý là tiến trình hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát những hành động của các thành viên trong tổ chức và sử dụng tất cả các nguồn lực khác của tổ chức nhằm đạt được mục tiêu đã đặt ra*”. Như vậy, theo cách hiểu chung nhất quản lý là sự tác động có tổ chức, có hướng đích của chủ thể quản lý lên đối tượng và khách thể quản lý thông qua các hoạt động lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát để đạt được mục tiêu đã đặt ra trong điều kiện môi trường luôn biến động. Về phương thức tác động và hiệu lực thì quản lý dựa vào pháp luật và các thể chế, quy chế, nguyên tắc, mô hình đã định trước. Về nội dung chức năng, quản lý bao gồm các việc như xây dựng kế hoạch sắp xếp tổ chức, chỉ đạo điều hành và kiểm soát tiến trình hoạt động. Về phạm vi tác động và hình thức thể hiện: quản lý là một phạm trù rộng, để tiến hành quản lý, chủ thể quản lý phải tiến hành đồng bộ rất nhiều chức năng, trong đó có chức năng lãnh đạo.

Như vậy quản lý thuế là một hệ thống những quá trình có quan hệ chặt chẽ với nhau nhằm mục tiêu đảm bảo thu thuế đúng, đủ và công bằng trên cơ sở quy định của pháp luật thuế, bao gồm các hoạt động thu nhận hồ sơ khai thuế, tính toán số thuế phải nộp, đơn đốc thu nộp thuế và tuyên truyền, tư vấn cho người nộp thuế - Theo Tổng cục thuế Latvia. Từ quan điểm trên có thể hiểu quản lý thuế dưới ba góc độ: Quản lý thuế là quá trình vận dụng bản chất, chức năng của thuế để hoạch định chính sách (chính sách điều tiết qua thuế và chính sách quản lý); Là quá trình xây dựng tổ chức bộ máy ngành thuế và đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý; Là việc vận dụng các biện pháp tác động tới quá trình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế gồm tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ, thanh tra, kiểm tra thuế...

Sau khi nghiên cứu về thuế TNCN có thể hiểu “*quản lý thuế TNCN là sự tác động có chủ đích của các cơ quan chức năng trong bộ máy nhà nước đối với quá trình tính và thu thuế TNCN, để thay đổi quá trình này nhằm tạo nguồn thu cho NSNN và đạt được các mục tiêu nhà nước đặt ra*”.

c. Mục tiêu quản lý thuế thu nhập cá nhân

Luật thuế TNCN và Luật Quản lý thuế đã được cơ quan quyền lực cao nhất là

Quốc hội thông qua, Luật được thi hành nghiêm minh là biểu hiện quyền lực Nhà nước trong thực thi chính sách vào thực tiễn đời sống xã hội.

Trong tổng nguồn thu vào NSNN thì thu từ thuế TNCN chiếm tỷ trọng cao do đó công tác quản lý thu thuế TNCN là hết sức quan trọng và phải đạt bốn mục tiêu chính. Thứ nhất, quản lý thuế TNCN trước hết phải dự báo được hướng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Đây là hoạt động đầu tiên, nhằm mục đích dự toán và lên kế hoạch mức thu từ nguồn thuế TNCN. Trong hoạt động này, cơ quan quản lý có nhiệm vụ tổng hợp, phân tích dựa trên số liệu thu của năm trước và tình hình thu nhập trên địa bàn, từ đó đề xuất mức thu và dự báo hướng nguồn thu ngân sách cho năm kế hoạch. Thứ hai, quản lý thuế TNCN không chỉ dừng ở việc thực hiện tốt dự toán thu đã đề ra mà còn phải không ngừng nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu, tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích các cá nhân tham gia vào nền kinh tế. Thứ ba, song song với việc đôn đốc triển khai thu thuế, cơ quan quản lý cần thực hiện các hoạt động nhằm mục đích nâng cao nhận thức về thuế và ý thức chấp hành pháp luật của người nộp thuế và cũng như công chức thuế. Mục tiêu cuối cùng của quản lý thu thuế TNCN là thể hiện được các vai trò tích cực của thuế trong điều hành và điều chỉnh vĩ mô các hoạt động kinh tế đi đúng các mục tiêu định ra, góp phần đảm bảo công bằng xã hội.

d. Nguyên tắc quản lý thuế thu nhập cá nhân

Có ba nguyên tắc chính trong quản lý thuế TNCN đó là:

- Quản lý thuế TNCN phải đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời, tránh thất thu NSNN. Vì thuế là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước, từ nguồn ngân sách này Nhà nước thực hiện các hoạt động công cộng kinh tế - xã hội - chính trị. Việc đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời sẽ góp phần giảm thất thoát ngân sách, đồng thời thực hiện mục tiêu công bằng xã hội của nhà nước. Hơn nữa, thuế TNCN là một công cụ nhằm đảm bảo công bằng xã hội do đó công tác quản lý thu thuế TNCN càng phải đảm bảo tính đúng đắn, phù hợp, công bằng.

- Việc quản lý thuế TNCN được thực hiện dựa trên cơ sở dự toán và quyết toán thuế TNCN của từng đơn vị, địa phương. Công tác dự báo hiệu quả sẽ góp

phần tiết kiệm được chi phí cho hoạt động quản lý, đồng thời hạn chế những vướng mắc khó khăn của người nộp thuế, tận thu nguồn ngân sách cho quốc gia.

- Việc quản lý thu thuế TNCN phải bảo đảm công khai, minh bạch, bình đẳng; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế. Đây là nguyên tắc luôn luôn song hành trong tất cả các hoạt động quản lý thuế nói chung. Bản chất của quản lý nhà nước nhằm thực hiện các mục tiêu vĩ mô, hướng tới xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Vì vậy trong bất cứ hoạt động quản lý nhà nước nào thì việc đảm bảo quyền lợi của người dân nói chung, hay chính là người nộp thuế là yêu cầu được đặt lên hàng đầu. Thực hiện công tác quản lý thu thuế đảm bảo tính công khai, minh bạch, bình đẳng chính là nguyên tắc quan trọng, xuyên suốt trong tất cả các hoạt động quản lý mà cơ quan chức năng cần phải thực hiện.

1.1.2. Nội dung của công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân

1.1.2.1. Tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

Ngoài những quy định trong văn bản quy phạm pháp luật thì sự thành công trong việc thực hiện các chính sách thuế còn phụ thuộc rất lớn vào sự hiểu biết và ý thức chấp hành nghiêm túc của cán bộ thuế cũng như người nộp thuế. Để nội dung của chính sách thuế đến với mọi người dân trong xã hội, cơ quan thuế cần phải tiến hành công tác tuyên truyền, phổ biến về chính sách thuế. Công tác này cần phải được thực hiện trước hết từ cán bộ thuế, sau đó tới mọi người dân.

Để thành công trong tuyên truyền, phổ biến thuế TNCN thì các cơ quan thuế có thể sử dụng các phương thức như thông qua các lớp tập huấn, phương tiện thông tin đại chúng, phát hành các ấn phẩm, tờ rơi, áp phích, tổ chức các buổi đối thoại, các cuộc thi tìm hiểu về thuế TNCN...

Đối với cán bộ thuế, việc tập huấn nghiệp vụ về một chính sách thuế nào đó cho các cán bộ ngành thuế, nhất là cán bộ cơ sở thường được tiến hành ngay sau khi Nhà nước ban hành một chính sách thuế mới hoặc sửa đổi bổ sung một chính sách thuế đã cũ. Qua đó, các cán bộ thuế có thể nắm chắc được các chính sách thuế từ mục đích, ý nghĩa đến nội dung cụ thể, đủ khả năng chuyên môn và làm tròn nhiệm vụ một tuyên truyền viên giỏi về thuế.

Để việc thu - nộp thuế đạt hiệu quả phải xuất phát từ việc nâng cao ý thức của người nộp thuế cũng như của cán bộ, công chức thuế. Vì vậy, hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế có vai trò hết sức quan trọng đối với công tác thu thuế. Quản lý nhà nước với hoạt động này chính là việc xây dựng kế hoạch tuyên truyền cho năm thực hiện về số lượng buổi tập huấn, gặp gỡ doanh nghiệp, xây dựng kế hoạch tuyên truyền bằng truyền thông, mức kinh phí cho việc in ấn pano, áp phích, biển quảng cáo. Đồng thời quản lý hoạt động tuyên truyền, hỗ trợ còn gồm việc tổ chức, phân công cho từng phòng ban, công chức ngành thuế thực hiện công tác hỗ trợ, giải đáp các thắc mắc cho người nộp thuế tới từng doanh nghiệp, đơn vị ở các cấp địa phương. Việc đánh giá hiệu quả công tác tuyên truyền hỗ trợ có thể thực hiện bằng các cuộc thi tìm hiểu về Luật thuế, chính sách thuế tổ chức tại các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị.

1.1.2.2. Đăng ký cấp mã số thuế; Khai - kế toán thuế

a. Đăng ký cấp mã số thuế

Công tác đăng ký cấp mã số thuế bao gồm việc nhận và xử lý hồ sơ đăng ký thuế, cấp mã số thuế cho người nộp thuế. Đăng ký thuế là việc người nộp thuế kê khai những thông tin cá nhân thuế theo mẫu quy định và nộp tờ khai cho cơ quan quản lý thuế để bắt đầu thực hiện nghĩa vụ về thuế với Nhà nước theo các quy định của pháp luật. Theo cơ chế tự khai, tự nộp, tất cả người nộp thuế đều phải có trách nhiệm chủ động đăng ký cấp mã số thuế cho mình. Những cá nhân là người nộp thuế được quy định cụ thể tại Luật thuế thu nhập cá nhân. Người nộp thuế TNCN bao gồm cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú có thu nhập chịu thuế theo quy định. Đối với cá nhân cư trú tại Việt Nam, có thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập. Cá nhân được coi là cá nhân cư trú được quy định trong Luật thuế TNCN, yêu cầu đáp ứng 1 trong các điều kiện sau:

+ Có mặt tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên tính trong 1 năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục kể từ ngày đầu tiên có mặt tại Việt Nam.

+ Có nơi ở thường xuyên tại Việt Nam, bao gồm có nơi đăng ký thường trú

hoặc có nhà thuê để ở tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về nhà ở, với thời hạn của hợp đồng thuê từ 90 ngày trở lên trong năm tính thuế.

Cá nhân không cư trú là người không đáp ứng được các tiêu chí trên. Đối với cá nhân không cư trú, thu nhập chịu thuế là thu nhập phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

Những cá nhân thuộc 2 đối tượng trên đều trong diện nộp thuế TNCN, có trách nhiệm chủ động đăng ký cấp mã số thuế, tự kê khai mức thu nhập và đóng góp thuế thu nhập theo đúng quy định.

Theo quy định của pháp luật, đối tượng đăng ký thuế sẽ nhận được giấy chứng nhận đăng ký thuế có mã số thuế riêng. Người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế để thực hiện các thủ tục kê khai và nộp thuế TNCN với cơ quan thuế. Trong công tác này, trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước là tiếp nhận hồ sơ đăng ký của người nộp thuế, rà soát các thông tin trên tờ khai, tổng hợp đầy đủ các thông tin và cấp mã số thuế riêng cho từng người nộp thuế.

Trong công tác đăng ký cấp mã số thuế, nếu hoạt động quản lý nhà nước tốt sẽ giúp việc dự báo hướng nguồn thu và lập dự toán có hiệu quả. Thông qua công tác này, cơ quan quản lý có được các số liệu phản ánh tình hình chung về người nộp thuế, từ đó triển khai các biện pháp đôn đốc, thu thuế hợp lý. Quản lý nhà nước với hoạt động đăng ký cấp mã số thuế được bắt đầu bằng công tác hoạch định, dự báo về đối tượng đăng ký cấp mã số thuế. Việc dự báo dựa trên việc tham khảo các số liệu thống kê của Phòng Kê khai - Cơ quan thuế các năm trước, và liên kết với cơ quan Bảo hiểm xã hội, Sở Kế hoạch - Đầu tư để kịp thời cập nhật các thông tin về doanh nghiệp mới thành lập, các tổ chức chi trả thu nhập, số lượng các cá nhân được chi trả thu nhập, mức chi trả thu nhập cho người lao động ...Cùng với đó, quản lý nhà nước còn gồm công tác tổ chức thực hiện việc đăng ký cấp mã số thuế của các cá nhân. Cơ quan thuế các cấp thực hiện các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn về Luật thuế TNCN, Thông tư hướng dẫn thực hiện, cung cấp mẫu tờ khai đăng ký; Hướng dẫn cách thức kê khai đến người nộp thuế bằng các buổi gặp mặt doanh nghiệp, đơn vị, hỗ trợ bằng các phần mềm đăng ký. Đối với các trường hợp đăng ký

cấp mã số thuế gặp vướng mắc về quy trình cấp (như trùng hoặc sai thông tin chứng minh nhân dân, căn cước công dân, căn cước), cơ quan thuế cần có trách nhiệm xử lý nhanh chóng kịp thời. Cuối cùng, thông qua các thông tin cá nhân của người nộp thuế đăng ký như tên đầy đủ, địa chỉ, ngày sinh, điện thoại, email,... cơ quan thuế cần lưu trữ, phân loại đối tượng đăng ký cấp mã số thuế để đưa ra các biện pháp quản lý phù hợp trong quá trình kê khai, thu thuế, cưỡng chế nợ.

b. Kê khai - kế toán thuế

- Khai thuế, tính thuế

Các thu nhập chịu thuế TNCN được quy định cụ thể trong Luật thuế TNCN bao gồm: Thu nhập từ kinh doanh; Thu nhập từ tiền lương tiền công; Thu nhập từ đầu tư vốn; Thu nhập từ chuyển nhượng vốn; Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; Thu nhập từ trúng thưởng; Thu nhập từ bản quyền; Thu nhập từ nhượng quyền thương mại; Thu nhập từ nhận thừa kế; Thu nhập từ nhận quà tặng.

Việc kê khai thuế, tính thuế được bắt đầu từ việc xác định thu nhập chịu thuế. Trên cơ sở tổng hợp các khoản thu nhập trong năm của người nộp thuế, cá nhân hoặc tổ chức chi trả thu nhập có trách nhiệm tính thuế và khấu trừ thuế cho người nộp thuế. Mức thuế tính dựa trên thuế suất thuế TNCN quy định trong Luật thuế TNCN. Số thuế TNCN phải nộp được xác định theo thuế suất toàn phần và biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng chung cho cả người Việt Nam và người nước ngoài. Cụ thể như sau:

+ Biểu thuế lũy tiến từng phần: Áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh, từ tiền lương, tiền công, do đây là khoản thu nhập có tính chất phổ biến, thường xuyên, ổn định của cá nhân trong năm nên mức thu nhập tính thuế được tính theo năm và tạm thu theo tháng. Biểu thuế gồm 7 bậc với các mức thuế suất: 5%, 10%, 15%, 20%, 25%, 30%, 35%, thuế suất thấp nhất là 5% và thuế suất cao nhất là 35%.

Bảng 1.1. Biểu thuế lũy tiến từng phần

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

Nguồn: Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12

+ Biểu thuế suất toàn phần: Biểu thuế suất toàn phần áp dụng đối với các loại thu nhập từ đầu tư (lãi tiền cho vay, lợi tức cổ phần...), thu nhập từ chuyển nhượng vốn, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản và các khoản thu nhập khác (tiền bản quyền, trúng thưởng xổ số, khuyến mại, trò chơi có thưởng, thừa kế, quà tặng). Thuế thu nhập được tính và thu theo từng lần phát sinh thu nhập.

Bảng 1.2. Biểu thuế suất toàn phần

Thu nhập tính thuế	Thuế suất (%)
1) Thu nhập từ đầu tư vốn	5
2) Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại	5
3) Thu nhập từ trúng thưởng	10
4) Thu nhập từ thừa kế, quà tặng	10
5) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn	20
6) Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	0,1
7) Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (Tính trên thu nhập tính thuế)	25
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản (Tính theo tổng giá trị chuyển nhượng)	2

Nguồn: Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12

Thông qua cơ quan ủy nhiệm thu hay cơ quan chi trả thu nhập tính thuế cho người nộp thuế có thu nhập do đơn vị mình chi trả, sau khi tính thuế và khấu trừ thuế của người nộp thuế, cơ quan chi trả thu nhập sẽ tiến hành khấu trừ phần thuế phải nộp ra khỏi thu nhập trước thuế của người nộp thuế để nộp vào NSNN.

Người nộp thuế sẽ trực tiếp kê khai thu nhập và tự tính mức thuế mình phải nộp. Sau đó sẽ đến nộp tờ khai cho cơ quan thuế và tiến hành nộp khoản thuế vào NSNN. Cơ quan thuế sẽ có nhiệm vụ ghi lại tất cả các khoản thuế mà người nộp thuế phải nộp, để từ đó có thể giám sát và kiểm tra khi cần thiết. Đồng thời đó cũng là cơ sở để đảm bảo sự minh bạch trong công tác thu nộp thuế, cả cho người nộp thuế và cơ quan thuế cũng như cơ quan ủy nhiệm thu.

- Nộp thuế:

Cơ quan thuế có thể tiến hành nhiều biện pháp thu - nộp thuế TNCN phù hợp theo từng loại thu nhập và đối tượng cụ thể.

Sử dụng phương pháp khấu trừ tại nguồn: Phương pháp khấu trừ tại nguồn được áp dụng cho các khoản thu nhập phát sinh có tính chất ổn định như thu nhập từ tiền lương, tiền công, các khoản thu nhập từ trúng thưởng xổ số, đầu tư vốn, chuyển nhượng vốn... Theo phương pháp này cơ quan chi trả thu nhập phải tiến hành khấu trừ trước số thuế phải nộp của cá nhân để nộp cho cơ quan Thuế, sau đó mới tiến hành chi trả phần còn lại cho người được hưởng.

Phương pháp thu này đem lại hiệu quả cao, tiết kiệm chi phí thu, đảm bảo số thuế nộp NSNN kịp thời. Áp dụng phương pháp này có thể thực hiện kiểm tra, đối chiếu thông tin về thu nhập của cá nhân giữa cơ quan chi trả thu nhập với người nhận được thu nhập, góp phần chống tham nhũng, lãng phí.

Sử dụng hình thức ủy nhiệm thu: Hình thức ủy nhiệm thu là hình thức cơ quan thuế ký hợp đồng với một cơ quan nhà nước để cơ quan đơn vị đó thu hộ cơ quan thuế tiền thuế. Hình thức này chủ yếu áp dụng đối với người nộp thuế nhỏ, phức tạp, khó quản lý, cơ quan được ủy quyền thu thường là các cơ quan cấp phép, cơ quan quản lý các đối tượng đó.

Phương pháp cá nhân tự kê khai, tự nộp thuế: Phương pháp này được thực hiện trên cơ sở người nộp thuế dùng tờ khai thuế để kê khai thu nhập và gửi cho cơ quan thuế, trên cơ sở tự xác định nghĩa vụ về thuế, người nộp thuế sẽ thực hiện nộp số thuế vào NSNN. Phương pháp này khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế trong việc chấp hành nghĩa vụ thuế. Hiện nay, cơ quan thuế Việt Nam cung cấp sẵn các phần mềm hỗ trợ kê khai, áp dụng hình thức kê khai, nộp thuế qua mạng internet... nên đã tạo rất nhiều thuận lợi cho người nộp thuế trong thực hiện nghĩa vụ thuế của mình.

- Quyết toán thuế:

Việc quyết toán thuế cho từng người nộp thuế là cần thiết. Việc này sẽ giúp cơ quan thuế biết được tình hình thu nhập và nộp thuế của từng đối tượng, qua đó có thể cung cấp cho các cơ quan khác, các nhà lập chính sách hoặc chính cơ quan thuế cũng có thể sử dụng trong việc phân tích và đánh giá về chính sách thuế, khả năng nộp thuế của dân cư. Quyết toán thuế hàng năm cũng sẽ giúp cơ quan thuế có thể phát hiện ra các trường hợp sai phạm thông qua việc so sánh mức thuế thu nhập nộp giữa các năm với nhau.

Các tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập phải khấu trừ thuế không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không có khấu trừ thuế, có trách nhiệm khai quyết toán thuế theo quy định. Quyết toán thuế được thực hiện theo năm dương lịch. Cuối năm hoặc sau khi hết hạn hợp đồng, cơ quan chi trả thu nhập, cá nhân tổng hợp tất cả các nguồn thu nhập, thu nhập chịu thuế trong năm thực hiện kê khai thuế thu nhập và nộp tờ khai quyết toán thuế.

Quyết toán thuế thu nhập tại cơ quan chi trả thu nhập áp dụng đối với cá nhân trong năm chỉ có thu nhập duy nhất tại một nơi. Quyết toán thuế tại cơ quan thuế áp dụng đối với cá nhân trong năm có thu nhập từ hai nơi trở lên, cá nhân đăng ký nộp thuế tại cơ quan thuế nơi làm việc hoặc nơi phát sinh thu nhập cao nhất. Thủ tục về quyết toán thuế như sau:

+ Quyết toán tại cơ quan chi trả thu nhập

Cá nhân thuộc đối tượng quyết toán thuế tại cơ quan chi trả thu nhập lập giấy

ủy quyền quyết toán thuế TNCN và nộp cho cơ quan chi trả thu nhập vào tháng 1 của năm sau năm quyết toán hoặc trước khi kết thúc hợp đồng (đối với những cá nhân có hợp đồng kết thúc trước ngày 31/12 và không còn các khoản thu nhập phát sinh trong năm). Trên cơ sở giấy ủy quyền quyết toán thuế TNCN, cơ quan chi trả thu nhập tổng hợp quyết toán thuế, lập bảng kê chi tiết của các cá nhân và gửi cho cơ quan thuế chậm nhất là sau 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.

Trên cơ sở tờ khai quyết toán thuế, cơ quan chi trả thu nhập phải nộp số thuế còn thiếu vào Ngân sách Nhà nước chậm nhất không quá ngày 10 tháng 3 năm sau; trường hợp số thuế đã nộp lớn hơn số phải nộp thì được bù trừ vào số thuế phải nộp của kỳ sau. Trường hợp không phát sinh số thuế phải nộp kỳ sau thì cơ quan chi trả thu nhập cấp biên lai xác nhận số thuế đã khấu trừ trong năm cho các cá nhân có số thuế nộp thừa để từng cá nhân kê khai tờ khai thuế năm nộp cho cơ quan thuế, thực hiện thoái trả tiền thuế theo quy định.

+ Quyết toán tại cơ quan thuế

Cá nhân thuộc đối tượng quyết toán thuế tại cơ quan thuế phải nộp tờ khai quyết toán thuế năm cho cơ quan thuế như sau:

Cá nhân có thu nhập ổn định tại cơ quan chi trả thu nhập nhưng có thu nhập phát sinh ở những nơi khác thì được lựa chọn nộp tờ khai quyết toán thuế năm cho cơ quan thuế địa phương nơi làm việc chính hoặc cơ quan thuế nơi có thu nhập phát sinh nhiều nhất.

Cá nhân có thu nhập ổn định tại một cơ quan chi trả thu nhập, trong năm có sự thay đổi cơ quan công tác thì nộp tờ khai quyết toán thuế năm cho cơ quan thuế địa phương nơi đang làm việc, trường hợp không làm việc tiếp ở cơ quan nào thì nộp tờ khai quyết toán thuế năm tại cơ quan thuế nơi làm việc cuối cùng của năm quyết toán.

Cá nhân đã đăng ký kê khai, nộp thuế tại cơ quan thuế nào thì nộp tờ khai quyết toán thuế năm cho cơ quan thuế đó.

1.1.2.3. Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế

a. Miễn thuế, giảm thuế

* Thu nhập từ tiền lương, tiền công được miễn, giảm thuế TNCN

- Khoản tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với làm việc ban ngày hoặc làm trong giờ theo quy định pháp luật.

- Thu nhập từ tiền lương, tiền công của thuyền viên là người Việt nam làm việc cho các hãng tàu nước ngoài hoặc hãng tàu Việt Nam vận tải quốc tế.

* Các khoản thu nhập khác được miễn thuế TNCN

- Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau.

- Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân trong trường hợp cá nhân chỉ có một nhà ở, đất ở duy nhất.

- Thu nhập từ giá trị quyền sử dụng đất của cá nhân được Nhà nước giao đất.

- Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; cha chồng, mẹ chồng với con dâu; cha vợ, mẹ vợ với con rể; ông nội bà nội với cháu nội; ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau.

- Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua chế biến thông thường.

- Thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao để sản xuất.

- Thu nhập từ tiền lãi gửi tại tổ chức tín dụng, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

- Thu nhập từ kiều hối.

- Phần tiền lương làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương làm việc ban ngày, làm trong giờ theo quy định của pháp luật.

- Tiền lương hưu do bảo hiểm xã hội chi trả.

- Thu nhập từ học bổng, bao gồm:

+ Học bổng nhận từ ngân sách Nhà nước;

+ Học bổng nhận được từ tổ chức trong nước và ngoài nước theo chương trình hỗ trợ khuyến học của tổ chức đó.

- Thu nhập được nhận từ nguồn viện trợ nước ngoài vì mục đích từ thiện, nhân đạo dưới hình thức chính phủ và phi chính phủ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Thu nhập của cá nhân là chủ tàu, cá nhân có quyền sử dụng tàu và cá nhân làm việc trên tàu từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ trực tiếp phục vụ hoạt động khai thác, đánh bắt thủy sản xa bờ.

* Thu nhập được giảm thuế TNCN

Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp.

b. Hoàn thuế thu nhập cá nhân

Việc hoàn thuế thu nhập cá nhân áp dụng đối với những cá nhân đã đăng ký và có mã số thuế tại thời điểm nộp hồ sơ quyết toán thuế. Đối với cá nhân đã uỷ quyền quyết toán thuế cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện quyết toán thay thì việc hoàn thuế của cá nhân được thực hiện thông qua tổ chức, cá nhân trả thu nhập. Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thực hiện bù trừ số thuế nộp thừa, nộp thiếu của các cá nhân. Sau khi bù trừ, nếu còn số thuế nộp thừa thì được bù trừ vào kỳ sau hoặc hoàn thuế nếu có đề nghị hoàn trả. Đối với cá nhân thuộc diện khai trực tiếp với cơ quan thuế có thể lựa chọn hoàn thuế hoặc bù trừ vào kỳ sau tại cùng cơ quan thuế. Trường hợp cá nhân có phát sinh hoàn thuế TNCN nhưng chậm nộp tờ khai quyết toán thuế theo quy định thì không áp dụng phạt đối với vi phạm hành chính khai quyết toán thuế quá thời hạn.

Như vậy, trong công tác quyết toán thuế, miễn thuế, hoàn thuế cơ quan thuế quản lý hoạt động thu thuế theo từng người nộp thuế (người nộp thuế trực tiếp và đối tượng uỷ quyền quyết toán cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập). Để hoạt động quản lý được hoàn thiện thì cơ quan quản lý phải kiểm soát các hoạt động quyết toán, miễn thuế, hoàn thuế cả về mặt hồ sơ, thời hạn cũng như mức nộp thuế, miễn

thuế, hoàn thuế. Việc quản lý này dựa trên các tổng hợp thông tin đã thu thập từ trước kết hợp với việc sử dụng các phần mềm hỗ trợ và công tác thanh tra, kiểm tra thuế của ngành.

1.1.2.4. Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế

Đây là một nội dung quan trọng của công tác quản lý thuế TNCN, thanh tra, kiểm tra thuế TNCN được thực hiện bởi bộ phận cán bộ thuế chuyên ngành. Đối tượng thanh, kiểm tra thuế là các tổ chức kinh tế và cá nhân có nghĩa vụ nộp thuế TNCN cho Nhà nước và bao gồm cả các đơn vị thuộc ngành thuế. Mục tiêu thanh, kiểm tra thuế TNCN là phát hiện và xử lý các trường hợp sai phạm nhằm giảm bớt những tổn thất cho Nhà nước và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời cũng qua quá trình thanh, kiểm tra, cơ quan thuế có thể phát hiện những thiếu sót, bất cập trong văn bản pháp luật thuế và quá trình tổ chức thực hiện, từ đó tìm ra những hướng giải quyết nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN. Thanh, kiểm tra thuế TNCN được thực hiện dưới các hình thức và phương pháp khác nhau.

Xét theo thời gian tiến hành thanh tra, hình thức thanh, kiểm tra thường xuyên được thực hiện mang tính định kỳ, không phụ thuộc vào việc có xảy ra vụ việc hay không đối với người nộp thuế và các cơ quan quản lý thuế. Còn hình thức thanh, kiểm tra đột xuất là hình thức thanh, kiểm tra mang tính bất thường và đối tượng thanh tra không được biết trước. Hình thức này được tiến hành khi có những vụ việc xảy ra từ phía người nộp thuế hoặc trong các cơ quan thuế để có biện pháp xử lý.

Xét theo phạm vi và nội dung, thanh, kiểm tra toàn diện được tiến hành với tất cả các nội dung thanh, kiểm tra thuế, hoặc với tất cả đối tượng thanh, kiểm tra. Hình thức này thường được áp dụng để phục vụ cho những nghiên cứu cải tiến lớn về hệ thống thuế. Còn hình thức thanh, kiểm tra có trọng điểm được tiến hành chỉ với một số nội dung, một số đối tượng. Người ta thường chọn ra các đối tượng điển hình và tổ chức thanh tra, kiểm tra từ đó rút ra các kết luận chung cho toàn hệ thống.

Xét theo đối tượng, thanh, kiểm tra với đối tượng là các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp, đơn vị chi trả thu nhập cho cá nhân. Cơ quan thuế dựa trên tờ khai TNCN mà cá nhân, tổ chức tự tổng hợp nộp lên, kiểm tra tính chính xác của tờ khai,

xét duyệt hồ sơ miễn, giảm và hoàn thuế nếu có. Với đối tượng là đơn vị thuộc ngành thuế, thanh kiểm tra thuế tiến hành các cuộc kiểm tra nội bộ, rà soát việc thực hiện của bộ phận chuyên trách, đảm bảo tính minh bạch, công bằng trong các hoạt động quản lý thuế.

1.1.2.5. Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Cơ quan quản lý thuế các cấp thực hiện rà soát, đối chiếu để xác định chính xác số nợ thuế theo tháng, quý. Phân loại cụ thể số nợ thuế theo các tiêu thức đã quy định của Luật Quản lý thuế và hướng dẫn của Tổng cục Thuế, trên cơ sở đó, cơ quan thuế thực hiện các biện pháp xử lý nợ cụ thể đối với từng nhóm nợ. Đối với nhóm nợ có khả năng thu, cơ quan thuế thực hiện các biện pháp đôn đốc, phát hành thông báo nợ thuế, tiền phạt chậm nộp đến người nộp thuế còn nợ ngân sách nhà nước. Thực hiện nghiêm túc việc tính phạt nộp chậm đối với các doanh nghiệp, hộ kinh doanh nợ thuế trên 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp của từng loại thuế, đôn đốc theo dõi việc thực hiện phạt nộp chậm. Phân công cụ thể cán bộ quản lý theo dõi, đôn đốc thu nợ từng khu vực. Gửi thư mời các doanh nghiệp, hộ kinh doanh có số nợ lớn hoặc nợ tăng lớn đến làm việc tại cơ quan thuế (hoặc tại doanh nghiệp) để xác định rõ nguyên nhân nợ và lập biên bản yêu cầu người nộp thuế cam kết thực hiện nộp số nợ thuế của đơn vị vào NSNN.

Cơ quan Thuế theo dõi, xác định các trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế và tiền phạt vi phạm pháp luật về thuế đã quá 90 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế và nộp tiền phạt, để ra thông báo đôn đốc nộp thuế và tiền phạt. Đối với các trường hợp có tài khoản tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước thì yêu cầu các tổ chức này cung cấp thông tin về nội dung giao dịch qua tài khoản của người nộp thuế, từ đó, tiến hành các thủ tục để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo quy định pháp luật.

Đối với nhóm nợ chờ xử lý, chờ xoá nợ, Chi cục Thuế hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời theo qui định. Đối với những khoản nợ thuế thuộc trường hợp được giãn nợ, Chi cục Thuế kiểm tra, hướng dẫn người nộp thuế lập hồ sơ để xem giải quyết quyền lợi cho người nộp thuế được giãn nợ theo quy định của

Luật Quản lý thuế. Với các khoản nợ do xác định số thuế phải nộp giữa doanh nghiệp với cơ quan thuế khác nhau (phát hiện trong các trường hợp kiểm tra kê khai, kiểm tra quyết toán thuế ...) do các nguyên nhân thì căn cứ vào pháp luật thuế để xác định lại số thuế phải nộp và số nợ đọng, số phạt nộp chậm.

Đối với những khoản nợ thuế đã quá hạn phải cưỡng chế thuế thì áp dụng các biện pháp cưỡng chế thuế phù hợp theo; đồng thời, báo cáo kịp thời UBND các cấp để chỉ đạo các tổ chức kinh doanh, cơ quan chức năng trên địa bàn phối hợp với cơ quan thuế tổ chức thực hiện cưỡng chế nợ thuế.

Đối với các khoản nợ của các doanh nghiệp đã bị tuyên bố phá sản, đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của Luật phá sản mà không còn tài sản để nộp đủ tiền nợ thuế, tiền phạt; các cá nhân được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự mà không còn tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt còn nợ: nếu đã có đủ căn cứ xác nhận của các cơ quan chức năng thì cơ quan thuế thực hiện thủ tục xóa nợ thuế, tiền phạt; trường hợp chưa có xác nhận của cơ quan chức năng thì cơ quan thuế lập danh sách và hồ sơ theo quy định và phối hợp với các cơ quan chức năng hoàn thành thủ tục xác nhận để giải quyết thu nợ thuế hoặc xóa nợ thuế nếu không còn tài sản.

Để công tác quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ đạt kết quả cao, cơ quan thuế phải luôn luôn củng cố tổ chức các bộ phận quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, phân công công việc cụ thể, trên cơ sở đó, đánh giá trách nhiệm của từng cán bộ trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Đồng thời phối hợp với UBND các cấp và các cơ quan chức năng trên địa bàn thực hiện việc đôn đốc, thu hồi nợ đọng và thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế có liên quan. Song song với đó, cơ quan thuế phải thực hiện tăng cường công tác tuyên truyền các Luật thuế làm cho người nộp thuế hiểu rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, nhằm nâng cao ý thức tự giác chấp hành nghĩa vụ nộp thuế vào NSNN đúng thời hạn quy định.

1.1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế TNCN. Mỗi nhân tố đều có thể ảnh hưởng tích cực hay tiêu cực tùy theo tính chất và trạng thái của nhân

tổ đó. Nhiệm vụ của các cơ quan chức năng trong bộ máy Nhà nước là phải nắm rõ sự tác động của nhân tố đó và tìm cách hạn chế những nhân tố ảnh hưởng tiêu cực cũng như phát huy những nhân tố ảnh hưởng tích cực nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN.

a. Yếu tố thuộc về cơ quan và cán bộ quản lý thuế TNCN

- Quan điểm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo ngành thuế

Để đảm bảo cho pháp luật thuế được thực hiện một cách triệt để, tập trung đúng, đủ, kịp thời nguồn thu thuế vào NSNN chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi quan điểm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong công tác quản lý thuế. Quan điểm của đội ngũ cán bộ lãnh đạo có ảnh hưởng trước hết tới các chính sách thuế TNCN, sau là tới quá trình tổ chức thực hiện và các công việc khác thuộc phạm vi quản lý. Một hệ thống chính sách thuế và cơ cấu thuế suất hợp lý nhưng tổ chức và cơ chế quản lý thuế kém sẽ không đạt được hiệu quả cao. Các cấp lãnh đạo cần phải có biện pháp phù hợp, nhanh chóng đáp ứng yêu cầu về công tác quản lý thuế, tạo được niềm tin cho NNT cũng như đảm bảo nguồn thu ngân sách vững chắc, ổn định.

Quan điểm của lãnh đạo ảnh hưởng đến việc phân bổ nguồn thu, công tác tổ chức bộ máy nhân sự, trang bị cơ sở vật chất, kế hoạch triển khai công tác thu. Người lãnh đạo phải biết phân công giao việc một cách hợp lý, khoa học nhằm thực thi công việc một cách tốt nhất. Theo đó là các chế độ thưởng đột xuất, thường xuyên đối với cán bộ thuế nói chung và cán bộ thuế có thành tích xuất sắc trong công tác quản lý thuế nói riêng. Đồng thời có những biện pháp xử lý nghiêm những cán bộ vi phạm quy chế làm việc, có hành vi tham ô, tham nhũng.

Quan điểm của lãnh đạo ảnh hưởng đến các biện pháp xử lý đối với NNT tìm cách trốn thuế, dây dưa, chây ỳ trong việc thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế và hợp tác với cơ quan thuế. Đối với những đối tượng có hành vi gian lận, trốn thuế cần có những hình thức xử phạt thích đáng, đảm bảo tính công bằng, tạo niềm tin vào pháp luật vào cơ quan thuế, tích cực đấu tranh chống các hành vi vi phạm.

- Trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ thuế

Trình độ đội ngũ cán bộ thuế đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý thuế, đặc biệt là thuế TNCN. Nhân tố này tác động vào tất cả các khâu của công tác quản lý thuế TNCN, từ ban hành chính sách, tổ chức thực hiện chính sách tới tổ chức bộ máy quản lý thuế, thanh tra, kiểm thuế.

Để có thể ban hành những chính sách thuế đúng đắn, đáp ứng được yêu cầu của những thay đổi kinh tế xã hội và đảm bảo được những mục tiêu của công tác quản lý thuế TNCN thì đội ngũ cán bộ thuế ở tầm hoạch định chính sách cần phải có trình độ thực tế cũng như lý thuyết liên quan đến thuế, kinh tế vĩ mô và quản lý nhà nước. Nếu nhà hoạch định chính sách có trình độ thấp và phẩm chất đạo đức kém sẽ đưa ra các chính sách chứa đựng nhiều sai sót không chỉ ảnh hưởng tiêu cực tới công tác quản lý thuế TNCN mà còn tới cả hệ thống thuế.

Quá trình thực hiện chính sách thuế cũng phụ thuộc rất nhiều vào trình độ và phẩm chất đạo đức của đội ngũ cán bộ thuế. Nhân tố này ảnh hưởng rất lớn tới hiệu quả hoạt động của công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức thuế cũng như quản lý thuế. Một đội ngũ cán bộ thuế có trình độ và phẩm chất đạo đức tốt mới có đủ khả năng làm một tuyên truyền viên giỏi và nhiệt huyết về thuế, đồng thời không phạm phải sai lầm trong quá trình thực hiện các nghiệp vụ cụ thể về tính thuế, quyết toán thuế.

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo làm công tác tổ chức thiết lập nên bộ máy quản lý thuế phải có đủ năng lực và phẩm chất để xây dựng một bộ máy phù hợp với những điều kiện kinh tế xã hội và có hiệu quả cao.

- Cơ sở vật chất của ngành thuế

Nhân tố này có ảnh hưởng mạnh mẽ tới công tác quản lý thuế TNCN. Những quy định trong chính sách về NNT, TNCT (rộng hay hẹp), phương thức kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế... phụ thuộc rất nhiều vào khả năng đáp ứng của ngành thuế trong công tác quản lý thuế. Khả năng này lại phụ thuộc rất lớn vào cơ sở vật chất của ngành thuế. Một hệ thống thu thuế được kết nối bằng mạng nội bộ sẽ là một nhân tố rất hữu ích cho cơ quan thuế trong việc quản lý thuế hiệu quả, chính

xác, kịp thời và tiết kiệm chi phí. Việc xây dựng mạng thông tin nội bộ để quản lý cơ sở dữ liệu sẽ đòi hỏi những chi phí bước đầu tương đối lớn, nhưng xét về dài hạn thì điều này sẽ tiết kiệm chi phí hơn rất nhiều so với việc quản lý dữ liệu theo kiểu thủ công.

b. Yếu tố thuộc về người nộp thuế

- Ý thức chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế

Ý thức chấp hành pháp luật nói chung và pháp luật thuế TNCN nói riêng tỷ lệ thuận với ý thức và trách nhiệm nộp thuế. Khi người dân có ý thức chấp hành luật thuế tốt, họ sẽ tự giác trong kê khai, nộp thuế; hành vi trốn thuế sẽ ít xảy ra. Từ đó, công tác quản lý thuế sẽ gặp nhiều thuận lợi và đạt kết quả tốt hơn. Nếu người dân có ý thức chấp hành luật thuế kém sẽ tìm mọi cách trốn, tránh thuế nhằm làm giảm nghĩa vụ thuế dẫn đến làm giảm hiệu quả của công tác quản lý thuế. Thực tế, khi người dân nhận thức được quyền lợi họ sẽ được hưởng những hàng hóa, dịch vụ công cộng mà Nhà nước cung cấp họ sẽ thấy rõ hơn trách nhiệm của mình đối với Nhà nước là đóng thuế cho Nhà nước.

Tóm lại, ý thức chấp hành pháp luật thuế của người nộp thuế cũng ảnh hưởng một phần tới công tác quản lý thuế TNCN. Ý thức chấp hành pháp luật của người dân có thể được nâng cao dần qua quá trình tuyên truyền, giáo dục.

- Tình hình kinh tế và mức sống của người dân

Hiệu quả của công tác quản lý thuế TNCN phụ thuộc không nhỏ vào mức độ phát triển kinh tế và đời sống của dân cư. Người nộp thuế có thu nhập cao thì mới phát sinh số thuế phải nộp do vậy cần kích thích tăng trưởng sự phát triển kinh tế nói chung và tiền lương nói riêng. Sự phát triển kinh tế sẽ đồng hành với sự phát triển của cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác quản lý và công tác quản lý thuế, khi cơ sở hạ tầng tốt thì khả năng quản lý thuế cũng sẽ được đơn giản và hiệu quả hơn.

- Phương thức thanh toán chủ yếu trong dân cư

Phương thức thanh toán chủ yếu trong dân cư ảnh hưởng lớn tới khâu quản lý thuế. Quản lý thuế TNCN khó khăn và phức tạp chủ yếu ở khâu quản lý thu nhập của người nộp thuế. Hiện nay việc thanh toán bằng tiền mặt diễn ra còn khá phổ

biến tại Việt Nam, nếu như các khoản thu nhập được thanh toán qua hệ thống ngân hàng dưới hình thức tài khoản cá nhân thì sẽ rất thuận tiện cho cơ quan thuế trong việc giám sát thu nhập của người nộp thuế.

c. Yếu tố thuộc về chính sách pháp luật, thủ tục, quy trình quản lý thuế

- Tính nghiêm minh của luật pháp

Cơ quan quản lý làm việc có hiệu quả, luật pháp được thực hiện nghiêm minh sẽ đảm bảo việc vi phạm luật giảm đi. Người nộp thuế cũng như cơ quan thuế cũng sẽ thực hiện nghiêm túc hơn các quy định trong luật thuế bởi họ biết rằng khi vi phạm nếu bị phát hiện sẽ không tránh khỏi những hình phạt. Như vậy, công tác quản lý thuế TNCN sẽ đạt được hiệu quả cao.

- Tính gọn nhẹ của thủ tục hành chính

Việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính, đồng thời có sự trợ giúp của các phần mềm hỗ trợ giúp cho việc kê khai, tính thuế trở nên đơn giản, dễ dàng hơn. Việc tiến hành các thủ tục hành chính trở nên đơn giản sẽ góp phần đáng kể việc chây ì, chậm trễ của người nộp thuế trong việc kê khai, tính và nộp thuế. Từ đó, người nộp thuế nâng cao hơn ý thức chấp hành Luật thuế, tham gia nộp ngân sách đầy đủ, kịp thời hơn, tránh thất thu ngân sách.

1.1.4. Các tiêu chí đánh giá công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân

Kết quả thực hiện dự toán thu ngân sách:

Được tính bằng công thức như sau:

$$\text{Kết quả thực hiện dự toán thu} = \frac{\text{Số thuế thực hiện trong kỳ}}{\text{Số dự toán trong kỳ}}$$

Nhiệm vụ chính trị của cơ quan thuế là hoàn thành dự toán thu ngân sách Nhà nước. Số thuế thu được hàng năm chính là kết quả của cơ quan thuế trong hoạt động quản lý thuế. Hoàn thành dự toán thu thuế là chỉ tiêu quan trọng nhất để đánh giá công tác quản lý thuế. Chỉ tiêu kết quả thực hiện dự toán thu thuế hoàn thành cao thì kết quả quản lý thuế TNCN càng tốt.

Nợ thuế là một phạm trù tất yếu khách quan tồn tại cùng với sự tồn tại của thuế, khi còn thuế thì vẫn còn nợ thuế. Xét ở góc độ hành vi thì nợ thuế là hành vi

của người nộp thuế chưa nộp kịp thời số tiền phải thực hiện nghĩa vụ đóng góp cho Nhà nước theo quy định của pháp luật. Có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan dẫn đến hành vi chưa nộp thuế hoặc không nộp thuế. Nguyên nhân chủ quan là do người nộp thuế có khả năng nhưng không muốn nộp thuế. Nguyên nhân khách quan là do người nộp thuế không có khả năng nộp theo đúng thời hạn quy định do chưa bán được hàng, chưa có thu nhập. Chỉ tiêu nợ đọng thuế đánh giá mức độ kịp thời của việc thu, nộp thuế.

Mặc dù trong quá trình thực hiện chính sách thuế của bất cứ quốc gia nào, nợ thuế tồn tại là điều hết sức bình thường. Tuy nhiên, sẽ là không bình thường nếu như đối tượng nộp thuế cố tình tìm kẽ hở của pháp luật nhằm trì hoãn nghĩa vụ nộp thuế. Bởi vậy, nhiệm vụ của quản lý thuế là phải phân tích nguyên nhân nợ trên tất cả các mặt có liên quan như: nợ ở sắc thuế nào, đối tượng nợ là ai, chính sách thuế còn phù hợp với thực tiễn hay không, tổ chức thực hiện chính sách thuế đó như thế nào, sự tác động của các chính sách khác đến chính sách thuế ra sao, từ đó tìm ra được giải pháp khắc phục.

Chỉ tiêu thanh tra, kiểm tra thuế: Nhằm phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật đã xảy ra hoặc có thể xảy ra, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời tiền thuế vào NSNN.

Công thức tính một số chỉ tiêu:

$$\text{Tỷ lệ tờ khai thuế đúng hạn trên tờ khai thuế đã nộp} = \frac{\text{Số tờ khai thuế đã nộp đúng hạn}}{\text{Số tờ khai thuế đã nộp}} \times 100\%$$

Mục đích: đánh giá mức độ tuân thủ về thời gian nộp tờ khai thuế của NNT.

$$\text{Tỷ lệ tổng thu nội địa do CQT quản lý trên dự toán pháp lệnh được giao} = \frac{\text{Tổng thu nội địa do CQT quản lý}}{\text{Dự toán pháp lệnh được giao}} \times 100\%$$

Mục đích: đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ thu của cơ quan thuế so với kế hoạch giao.

$$\text{Tỷ lệ tờ khai quyết toán thuế TNCN đã nộp} = \frac{\text{Số tờ khai quyết toán thuế TNCN đã nộp}}{\text{Số tờ khai quyết toán thuế TNCN phải nộp}} \times 100\%$$

Mục đích: đánh giá mức độ tuân thủ thực hiện nghĩa vụ nộp tờ khai quyết toán thuế TNCN đối với tổ chức chi trả thu nhập.

$$\text{Tỷ lệ nợ thuế TNCN so với số thu từ thuế TNCN} = \frac{\text{Số tiền nợ thuế TNCN tại thời điểm cuối năm đánh giá}}{\text{Số thu từ thuế TNCN}} \times 100\%$$

Mục đích: đánh giá tình trạng nợ thuế TNCN so với số tiền thuế thu được từ thuế TNCN do cơ quan thuế quản lý.

$$\text{Tỷ lệ doanh nghiệp đã thanh tra, kiểm tra trên số doanh nghiệp đang hoạt động} = \frac{\text{Số doanh nghiệp đã thanh tra, kiểm tra}}{\text{Số doanh nghiệp đang hoạt động}} \times 100\%$$

Mục đích: đánh giá khối lượng công việc thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp mà công chức bộ phận thanh tra, kiểm tra đã thực hiện trong năm đánh giá thông qua tỉ lệ doanh nghiệp đã thanh tra, kiểm tra trên tổng số doanh nghiệp hoạt động.

1.2. Cơ sở thực tiễn về quản lý thuế thu nhập cá nhân

1.2.1. Kinh nghiệm quản lý thuế thu nhập cá nhân tại cơ quan thuế ở một số địa phương

a. Chi cục Thuế khu vực Nam Thanh

Trong các năm quan Chi cục Thuế khu vực Nam Thanh luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ thu ngân sách, trong đó thuế TNCN chiếm tỉ trọng cao trong tổng thu

NSNN trên địa bàn. Đạt được kết quả này đều nhờ có sự chỉ đạo, điều hành của ban lãnh đạo cũng như sự phối hợp thực hiện của các bộ phận trong toàn Chi cục.

Thứ nhất, công tác tuyên truyền chính sách thuế TNCN: Chi cục thuế thành lập bộ phận chuyên trách về tuyên truyền thuế - hỗ trợ NNT, bộ phận tuyên truyền thuế ngoài nhiệm vụ tuyên truyền chính sách thuế hiện hành còn có nhiệm vụ tuyên truyền cả nội dung về tổ chức quản lý thuế để nâng cao ý thức tuân thủ nghiêm chỉnh chính sách thuế cho NNT, để chính sách thuế đi vào đời sống kinh tế, xã hội.

Hàng năm, Chi cục Thuế khu vực Nam Thanh đã xây dựng, lập kế hoạch và chỉ đạo các bộ phận trong đơn vị, đồng thời phối hợp với cơ quan liên quan thực hiện thống nhất công tác tuyên truyền trong địa bàn quản lý. Kế hoạch tuyên truyền hàng năm được Cục Thuế tỉnh Hải Dương phê duyệt trong đó quy định kế hoạch tuyên truyền của ngành thuế, với nội dung trọng tâm, trọng điểm, thời gian tuyên truyền, hình thức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng như truyền hình, đài phát thanh, báo chí.

Thứ hai, tổ chức bộ máy quản lý thuế TNCN: Tổ chức bộ máy quản lý thuế TNCN ở Chi cục thuế khu vực hoạt động theo hệ thống từ Chi cục thuế đến các Đội thuế. Hiện nay, bộ phận quản lý thuế TNCN của Chi cục thuế khu vực Nam Thanh thuộc chức năng nhiệm vụ của Đội nghiệp vụ quản lý thuế. Đội nghiệp vụ quản lý thuế trực tiếp thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước về thuế TNCN đối với các tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá nhân phát sinh thuế TNCN trên địa bàn.

Thứ ba, công tác thanh tra, kiểm tra thuế TNCN đã được tập trung chuyên sâu. Đội kiểm tra thuế - quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định pháp luật trong công tác quản lý thuế TNCN tại Chi cục Thuế.

b. Chi cục Thuế thành phố Hải Dương

Năm 2024, Chi cục thuế thành phố Hải Dương được giao dự toán thu NSNN 1.300 tỷ đồng. Thực hiện cả năm 2024, thành phố Hải Dương đã thu nộp vào ngân sách nhà nước 1.423 tỷ đồng, đạt 109.46% dự toán, tăng 23,6% so cùng kỳ trong đó thu tiền sử dụng đất 820 tỷ đồng. Trong đó, 13/14 chỉ tiêu hoàn thành dự toán giao,

một chỉ tiêu không hoàn thành dự toán là thu thuế bảo vệ môi trường 92,3%. Để đạt được kết quả trên, Chi cục thuế thành phố Hải Dương đã nỗ lực nâng cao hiệu quả thu thuế của tất cả các sắc thuế, xử lý nợ thuế, hạn chế thất thu, trong đó thu thuế TNCN - một trong những sắc thuế chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu NSNN cũng được quan tâm. Xác định nhiệm vụ thu thuế TNCN muốn hiệu quả phải gắn liền với công tác đôn đốc, thu nợ thuế TNCN, lãnh đạo đơn vị đã tập trung chỉ đạo quyết liệt triển khai đồng bộ các biện pháp từ rà soát, phân loại nợ thuế thu nhập cá nhân, đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế. Đồng thời Chi cục thuế thành phố Hải Dương cũng tăng cường nguồn nhân lực cho bộ phận quản lý thuế TNCN thuộc Đội nghiệp vụ quản lý thuế kết hợp với bộ phận quản lý nợ của Đội Kiểm tra thuế - quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế để công tác quản lý thu thuế TNCN được hiệu quả. UBND thành phố Hải Dương đã chỉ đạo, các phòng, ban, đơn vị liên quan, UBND các phường, xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền về việc rà soát các hộ kinh doanh trên sàn thương mại điện tử thực hiện tốt công tác quản lý thuế, đặc biệt là thuế TNCN. Rà soát cơ sở dữ liệu và thực tế kinh doanh của NNT để có kế hoạch truy thu, quản lý, tiền thuế đối với cá nhân kinh doanh, tập trung NNT có rủi ro về thuế; hoạt động theo mô hình “Tổng kho”, “Kho”, kinh doanh hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, thương mại điện tử để quản lý thu thuế sát với thực tế kinh doanh, đảm bảo nguyên tắc thu đúng - thu đủ - thu kịp thời.

Qua đó, Chi cục Thuế thành phố cũng đúc rút được kinh nghiệm, điều chỉnh phương pháp và từng bước khắc phục những tồn tại trong công tác quản lý thuế TNCN, đồng thời đảm bảo được mục tiêu công khai, minh bạch và công bằng trong nghĩa vụ đóng góp thuế của hộ, cá nhân kinh doanh, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế trên địa bàn.

c. Chi cục Thuế khu vực Cẩm Bình

Trong 5 năm qua, Chi cục Thuế khu vực Cẩm Bình đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp nghiệp vụ, nỗ lực khắc phục mọi khó khăn, và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, công tác quản lý và thu thuế TNCN trên địa bàn đã đạt được những kết quả hết sức tích cực.

Thứ nhất, thường xuyên thực hiện công tác tuyên truyền để người nộp thuế nắm bắt đầy đủ chính sách. Chi cục Thuế khu vực Cẩm Bình định kỳ tổ chức các buổi tập huấn cho các đơn vị chi trả thu nhập khi có thay đổi về chính sách thuế TNCN, giúp các đơn vị nắm bắt kịp thời văn bản chính sách. Cùng với đó, thường xuyên phối hợp với Đài Phát thanh các huyện trên địa bàn trong việc lồng ghép tuyên truyền các chính sách pháp luật thuế TNCN đến từng tổ chức cá nhân nộp thuế.

Thứ hai, tổ chức tốt phong trào thi đua: Phát động thi đua theo từng tháng, quý và cuối tháng, quý đều có đánh giá, phân loại cán bộ công chức tích cực, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ để bình xét phân loại, đề xuất hình thức và danh hiệu khen thưởng thích đáng khơi dậy ý thức phấn đấu.

Thứ ba, xây dựng các sáng kiến, cải tiến phù hợp và triển khai có hiệu quả góp phần tăng thu bù đắp các khoản hụt do chính sách giảm thu.

- Thống kê số thuế đã nộp của năm trước liền kề: Hàng năm trên cơ sở số thực thu, tiến hành lựa chọn các đơn vị, các cá nhân có số thực nộp ngân sách lớn, trong số gần 8.000 người nộp thuế và 650 đơn vị chi trả, Chi cục Thuế phân công cán bộ theo dõi cụ thể từng cơ quan chi trả và cá nhân người nộp thuế, để rà soát thu nhập xem tổ chức, cá nhân người nộp thuế đã kê khai chính xác, đầy đủ chưa? Bằng biện pháp truy xuất số liệu trên ứng dụng quản lý thuế TNCN tại chức năng “Danh sách cá nhân có nhiều nguồn thu nhập”, để đối chiếu thu nhập kê khai của người nộp thuế. Qua đối chiếu này hàng năm cơ quan thuế đã yêu cầu nhiều cá nhân giải trình và yêu cầu kê khai bổ sung nộp các khoản thuế còn thiếu khá lớn vào ngân sách, vừa là cảnh báo có hiệu quả cho người nộp thuế biết tất cả thu nhập phát sinh trên toàn quốc của một cá nhân đều được cơ quan thuế đưa vào quản lý, hạn chế việc “giấu thu nhập” cũng như việc phải áp dụng các biện pháp xử phạt đối với người nộp thuế. Dựa trên các đối chiếu với số thuế đã nộp năm trước Chi cục Thuế đánh giá mức độ rủi ro về thuế của cá nhân đó. Chi cục Thuế khu vực Cẩm Bình đã chọn một số người nộp thuế có nhiều nguồn thu nhập và có rủi ro về thuế để kiểm tra

quyết toán. Trường hợp có vi phạm thì sẽ tiến hành truy thu số thuế phải nộp hoặc thu hồi số thuế đã hoàn.

- Đối với việc quản lý thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản: Cục Thuế tỉnh Hải Dương đã chỉ đạo các Chi cục Thuế thường xuyên phối hợp với cơ quan tài chính, tài nguyên - môi trường, Ủy ban nhân dân các cấp để trao đổi thông tin, yêu cầu người nộp thuế khai đúng giá trị chuyển nhượng, nhất là trong trường hợp bất động sản mua bán thông qua đấu giá nên không thể áp giá do Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định. Chi cục Thuế cũng thường xuyên đề xuất với Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Cục Thuế tỉnh các biện pháp nhằm tăng cường quản lý thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn.

- Biện pháp quản lý hộ kinh doanh trên địa bàn: Chi cục Thuế coi trọng việc tăng cường chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ cấp ủy, chính quyền các cấp, hội đồng tư vấn thuế để đẩy mạnh việc tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức của người nộp thuế, thường xuyên bám sát địa bàn, nắm chắc tình hình kinh doanh, trên cơ sở đó mà hiệp thương mức thuế khoán và thực hiện đúng quy trình quản lý hộ theo phương châm “Minh bạch - Chuyên nghiệp - Liêm chính - Đổi mới”.

1.2.2. Bài học đối với Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc

Qua nghiên cứu kinh nghiệm từ các Chi cục Thuế khu vực trên địa bàn tỉnh Hải Dương có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc như sau:

Một là, Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế. Đây là khâu đầu tiên, quan trọng trong công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNCN nói riêng. Đa dạng hóa các hình thức và nội dung tuyên truyền để các luật thuế có sức lan toả mạnh mẽ trong cộng đồng người nộp thuế, tạo sự đồng thuận cao của các tầng lớp dân cư trong việc phối hợp, tham gia quản lý thuế và lên án các hành vi vi phạm pháp luật thuế.

Hai là, cần chú trọng công tác quản lý kê khai, kê toán thuế và hoàn thuế TNCN, thường xuyên kiểm tra, đối chiếu giữa tình hình thực tế với hệ thống dữ liệu của cơ quan thuế đảm bảo kiểm soát, nắm bắt, theo dõi và quản lý thuế kịp thời.

Chú trọng việc rà soát thông tin người nộp thuế trên ứng dụng, kịp thời đôn đốc người nộp thuế bổ sung thông tin thay đổi gửi cơ quan thuế để cập nhật thông tin phục vụ cho công tác quản lý thuế. Đẩy mạnh việc giám sát, đôn đốc kê khai thuế, để công tác quản lý, giám sát kê khai thuế ngày càng được chặt chẽ và tạo đà cho những chuyển biến tích cực như số lượng tờ khai phải nộp, đã nộp, nộp đúng hạn cần tăng lên cả về mặt số lượng và chất lượng thể hiện ý thức chấp hành kê khai thuế của người nộp thuế được nâng lên rõ rệt.

Ba là, Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc cần đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra chống thất thu ngân sách. Đẩy nhanh tiến độ các cuộc thanh tra, kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp, tập trung kiểm tra các doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế, các doanh nghiệp đã hoàn thuế đảm bảo chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra. Tổ chức phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả với Cơ quan Công an để đấu tranh chống các hành vi trốn thuế, gian lận thuế, tội phạm về thuế.

Bốn là, Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc cần chú trọng công tác quản lý nợ thuế. Tích cực thực hiện quyết liệt các biện pháp quản lý nợ theo quy trình, tiếp tục phối hợp với chính quyền và các ngành để có biện pháp mạnh thu hồi các khoản nợ đọng, các khoản gia hạn thuế đến thời hạn phải nộp để tăng thu NSNN, góp phần hoàn thành dự toán thu NSNN Tổng cục Thuế giao.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Từ việc nêu khái niệm, vai trò, nội dung quản lý thuế TNCN và chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng để khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về quản lý thuế TNCN. Đồng thời tác giả đã nêu bài học kinh nghiệm về công tác quản lý thuế TNCN tại một số đại phương khác để rút ra những kinh nghiệm, bài học cho công tác quản lý thuế TNCN tại Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TỨ KỲ CỦA CHI CỤC THUẾ KHU VỰC TƯ LỘC GIAI ĐOẠN 2022-2024

2.1. Khái quát về Chi cục Thuế khu vực Tư Lộc và kết quả thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ

2.1.1. Khái quát về điều kiện kinh tế - xã hội huyện Tứ Kỳ và đặc điểm người nộp thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ

a. Điều kiện kinh tế - xã hội huyện Tứ Kỳ

** Điều kiện tự nhiên*

- Vị trí địa lý: Huyện Tứ Kỳ nằm ở phía Đông Nam của tỉnh Hải Dương, nằm cách thành phố Hải Dương khoảng 14 km, cách trung tâm thủ đô Hà Nội khoảng 60 km về phía tây bắc, cách trung tâm thành phố Hải Phòng khoảng 40 km về phía Tây Bắc, có vị trí địa lý: Phía Đông giáp huyện Thanh Hà và huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng, phía Tây giáp huyện Gia Lộc và huyện Ninh Giang, phía Nam giáp huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, phía Bắc giáp thành phố Hải Dương. Huyện Tứ Kỳ nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm 4 mùa rõ rệt (xuân, hạ, thu, đông). Lượng mưa trung bình hàng năm 1.300 – 1.700 mm. Nhiệt độ trung bình 23,3°C, số giờ nắng trong năm 1.524 giờ, độ ẩm tương đối trung bình 85 – 87%. Khí hậu và thời tiết của tỉnh thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm cây lương thực, thực phẩm và cây ăn quả, đặc biệt là sản xuất cây vụ đông.

- Đơn vị hành chính: Huyện Tứ Kỳ có 23 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm thị trấn Tứ Kỳ và 22 xã: An Thanh, Bình Lãng, Chí Minh, Cộng Lạc, Đại Hợp, Đại Sơn, Dân Chủ, Hà Kỳ, Hà Thanh, Hưng Đạo, Minh Đức, Ngọc Kỳ, Nguyên Giáp, Phượng Kỳ, Quang Khải, Quảng Nghiệp, Quang Phục, Quang Trung, Tái Sơn, Tân Kỳ, Tiên Động, Văn Tổ với tổng diện tích tự nhiên 165,5 km².

- Về đường bộ, toàn huyện có ba tuyến đường lớn và mạng lưới các đường liên xã, liên thôn. Trong đó, tỉnh lộ 391, chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam, nối thành phố Hải Dương với thị trấn Tứ Kỳ, đi Quý Cao, quốc lộ 10 đi Hải Phòng và Thái Bình. Đường 17 từ TP Hải Dương qua huyện Gia lộc, qua huyện Tứ Kỳ (Ở đoạn xã Quảng Nghiệp, xã Quang Khải) đi huyện Ninh Giang rẽ sang đường 17B

lại vào đất Tứ Kỳ (ở đoạn xã Hà Thanh, xã Tiên Động) nhập vào đường TL 391 và đường QL10 ở đoạn Quý Cao.

Về đường sông, sông Thái Bình chảy từ phía TP Hải Dương qua giữa Tứ Kỳ (ở đoạn Ngọc Sơn, Kỳ Sơn, Hưng Đạo, Đại Đồng, Bình Lăng, Đông Kỳ, Tây Kỳ, Tứ Xuyên, Văn Tố, An Thanh) và Thanh Hà (ở đoạn Thanh Hải, Tân An, Thanh Thủy, Thanh Hồng) qua Tiên Lăng, Hải Phòng ra biển. Sông Tứ Kỳ là nhánh của sông Luộc, chảy giữa huyện Tứ Kỳ và huyện Ninh Giang, qua Tiên Lăng, Hải Phòng ra biển.

* Điều kiện kinh tế - xã hội

Huyện Tứ Kỳ là huyện có vị trí thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội giữa nông thôn với thành thị trong phạm vi tỉnh Hải Dương. Trong những năm qua nền kinh tế của huyện đã có những chuyển biến đáng kể. Những lợi thế về đất đai, lao động đã tạo cho Tứ Kỳ có những bước tiến trong sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội. Cơ cấu kinh tế của huyện có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, nâng cao tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ. Phát triển công nghiệp đa ngành, đa lĩnh vực, chú trọng chất lượng tăng trưởng; khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn. Đẩy nhanh tốc độ phát triển công nghiệp, đồng thời nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của các thành phần kinh tế.

Theo báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024, huyện Tứ Kỳ đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận: Tốc độ tăng trưởng kinh tế ước đạt 9,91% trong đó, công nghiệp - xây dựng 13,32%; nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 4,79%; thương mại, dịch vụ chiếm 5,06% ; giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu trên 4.000 tỷ đồng; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng đạt 755 tỷ đồng; thu ngân sách trong cân đối gần 127 tỷ đồng; Tạo việc làm mới cho trên 2.200 lao động (vượt gần 30% kế hoạch năm); tình hình an ninh chính trị được đảm bảo, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Trong những năm qua, huyện Tứ Kỳ đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ, thu hút đầu tư phát triển kinh tế, xã hội. Tiếp tục thực hiện

tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với chương trình mục tiêu xây dựng nông thôn mới. Tập trung huy động mọi nguồn lực, từng bước xây dựng, phát triển hạ tầng, đặc biệt là đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, khuyến khích hoạt động đầu tư sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên các lĩnh vực.

Từ những đặc điểm và điều kiện nêu trên là những nhân tố tạo điều kiện thuận lợi cho Tứ Kỳ phát triển nền kinh tế đa dạng về cơ cấu, có sự giao lưu kinh tế, văn hóa với các vùng lân cận.

b. Đặc điểm người nộp thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ

Luật Thuế TNCN có phạm vi điều chỉnh rộng liên quan đến nhiều đối tượng, lĩnh vực. Trên địa bàn huyện theo rà soát sơ bộ ban đầu cuối năm 2024 có trên 400 đơn vị chi trả, trong đó hơn 300 tổ chức kinh tế, trên 50 cơ quan quản lý Nhà nước và đơn vị sự nghiệp với gần 30.000 đối tượng người làm công ăn lương, hơn 700 hộ kinh doanh cá thể và nhiều đối tượng hoạt động đầu tư, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản...

Ở huyện Tứ Kỳ hiện nay, việc kê khai nộp thuế thu nhập phần lớn thực hiện theo nguyên tắc khấu trừ tại nguồn. Cơ quan chi trả thu nhập có nghĩa vụ khấu trừ tiền thuế trước khi chi trả thu nhập cho người nộp thuế để nộp thay tiền thuế vào ngân sách Nhà nước.

Đối với một số trường hợp, cơ quan thuế có thể áp dụng phương pháp tự kê khai. Những người nộp thuế thuộc diện tự kê khai đa phần là những người hành nghề tự do, có thu nhập từ nhiều nguồn khác nhau. Nhưng số đối tượng này không nhiều mà chủ yếu tập trung vào người nộp thuế theo phương pháp khấu trừ tại nguồn.

Cá nhân có thu nhập từ sản xuất, kinh doanh bao gồm cả cá nhân hành nghề độc lập; cá nhân, hộ gia đình sản xuất nông nghiệp không thuộc đối tượng miễn thuế TNCN. Cá nhân có thu nhập từ sản xuất, kinh doanh thực hiện đăng ký cấp mã số thuế. Việc đăng ký thuế để cấp mã số thuế được thực hiện tại cơ quan chi trả thu nhập hoặc tại cơ quan thuế.

Bên cạnh đó rất nhiều người trong xã hội chưa có ý thức tự giác, tự nguyện chấp hành Luật thuế TNCN. Hiện nay, vẫn còn một bộ phận không nhỏ người nộp thuế chưa đăng ký, kê khai và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế. Điều này gây khó khăn cho công tác quản lý thuế, thất thoát nguồn thu vào NSNN và tạo sự bất bình đẳng trong thực hiện nghĩa vụ thuế.

Hiện nay, trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, phương thức thanh toán chủ yếu trong dân cư là bằng tiền mặt. Vì vậy việc kiểm tra, kiểm soát việc kê khai thuế hay tổng thu nhập của cá nhân gặp rất nhiều khó khăn và rất khó xác minh. Điều này cũng gây ảnh hưởng không nhỏ tới công tác quản lý thuế TNCN của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc.

Do chính sách thuế TNCN còn lồng ghép nhiều mục tiêu của chính sách xã hội (còn quy định nhiều trường hợp được miễn, giảm thuế TNCN) gây khó khăn cho công tác thực hiện và quản lý. Trong quá trình xây dựng chính sách chưa tính đến điều kiện thực tế quản lý thuế (điều kiện thực hiện), công tác dự báo xu thế, bối cảnh kinh tế - xã hội còn chưa đáp ứng yêu cầu, chưa đánh giá được hết các yếu tố tác động đến chính sách thuế khi triển khai thực hiện. Chính sách chưa đảm bảo yêu cầu về tính đơn giản, dễ hiểu, dẫn tới nhiều vướng mắc khi triển khai thực hiện. Bên cạnh đó, sự thiếu đồng bộ trong quy định của chính sách thuế TNCN với các chính sách khác (như Luật Bảo hiểm xã hội, Bộ Luật lao động) cũng đã gây khó khăn cho việc quản lý thuế TNCN trên địa bàn tỉnh.

Sự phối hợp giữa ngành thuế với các cấp chính quyền địa phương, với các tổ chức, cơ quan liên quan trong việc hợp tác triển khai Luật Thuế TNCN chưa được quan tâm đúng mức.

Cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin giữa ngành Thuế với các đơn vị có liên quan hỗ trợ thực hiện Luật Thuế TNCN còn hạn chế: Việc kết nối, trao đổi, thu thập thông tin về NNT giữa cơ quan thuế với các cơ quan, ban, ngành, tổ chức có liên quan còn hạn chế do chưa có cơ chế phù hợp. Sự phối hợp với các cơ quan chức năng trong quản lý thuế đã có nhiều chuyển biến tích cực nhưng chưa được thường xuyên, liên tục, do đó chưa quản lý chặt chẽ hết người nộp thuế. Chưa kết nối thông tin giữa cơ sở dữ liệu quản lý thuế TNCN với các cơ quan khác có liên

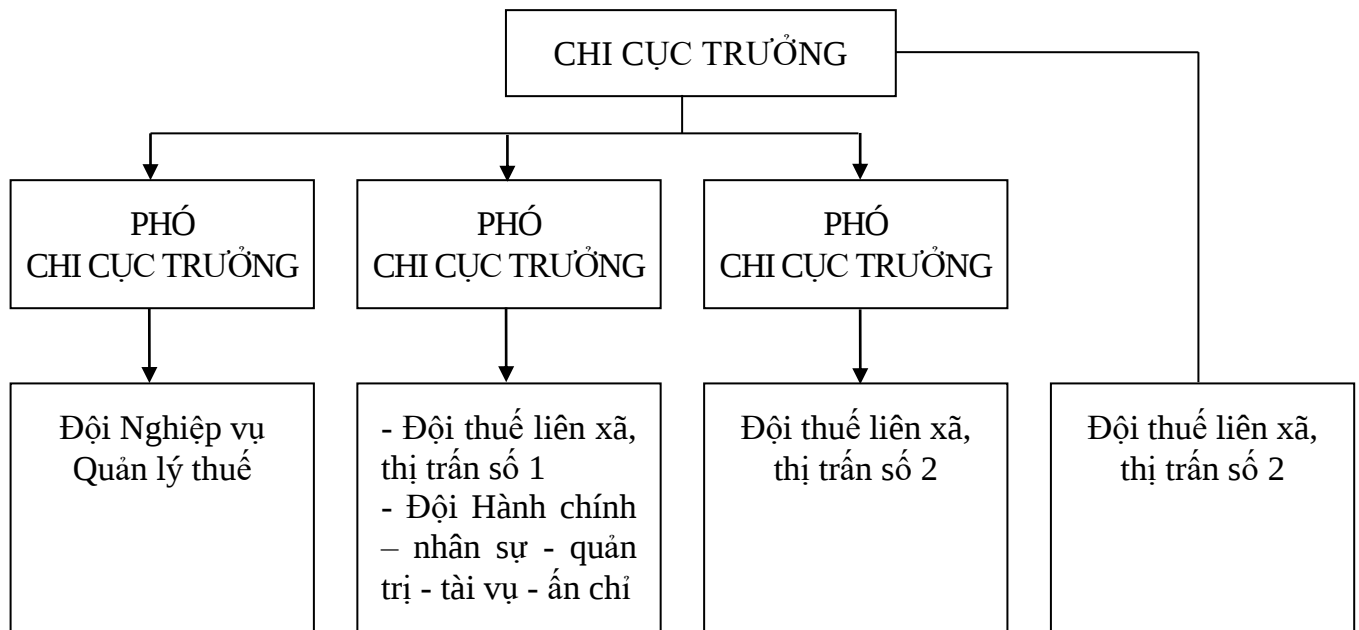
quan như với cơ sở dữ liệu quản lý đất đai của cơ quan Tài nguyên môi trường, dữ liệu tiền lương, tiền công của các tổ chức, dữ liệu chuyển tiền thu nhập của hệ thống ngân hàng.

Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc được sự quan tâm của Cục Thuế tỉnh Hải Dương nên cơ sở vật chất đã được quan tâm, hệ thống máy tính được đồng bộ hóa, các phần mềm tin học ứng dụng được cài đặt và cập nhật kịp thời, giúp cho quá trình quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNCN nói riêng phần nào đạt hiệu quả cao hơn. Tuy nhiên, về mức độ hiện đại hóa, ứng dụng các tiến bộ khoa học thế giới thì cơ sở vật chất của Chi cục Thuế vẫn còn thua kém và chênh lệch lớn so với các nước phát triển.

2.1.2. Khái quát chung về Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc

Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc được thành lập theo quyết định số 1867/QĐ-BTC ngày 12/10/2018 của Bộ Tài Chính thành lập Chi cục Thuế khu vực trên cơ sở hợp nhất 2 Chi cục Thuế, Chi cục Thuế huyện Tứ Kỳ và Chi cục Thuế huyện Gia Lộc, chịu sự song trùng lãnh đạo của Huyện ủy – Hội đồng nhân dân – Ủy ban nhân dân huyện Tứ Kỳ và huyện Gia Lộc, sự chỉ đạo nghiệp vụ chuyên môn và quản lý con người theo cơ cấu ngành dọc là Cục Thuế tỉnh Hải Dương.

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc



(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc, 2024)

*** Cơ cấu tổ chức của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc**

Chi cục trưởng là người điều hành và quản lý toàn bộ mọi hoạt động của Chi cục, chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cho toàn Chi cục. Các Phó Chi cục trưởng chịu trách nhiệm quản lý các đội nghiệp vụ có liên quan, tham mưu cho Chi cục trưởng những vấn đề liên quan đến lĩnh vực mà mình phụ trách.

Chi cục thuế khu vực Tứ Lộc gồm 5 đội thuế: Đội Hành chính - Nhân sự - Quản trị - Tài vụ - Ấn chỉ; Đội Nghiệp vụ quản lý thuế; Đội Kiểm tra thuế - Quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế; Đội thuế liên xã, thị trấn số 1; Đội thuế liên xã, thị trấn số 2.

*** Chức năng nhiệm vụ của từng đội thuế**

- Đội Hành chính - Nhân sự - Tài vụ - Quản trị - Ấn chỉ: Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế thực hiện công tác hành chính, văn thư, lưu trữ; công tác quản lý nhân sự; quản lý tài chính, quản trị; quản lý ấn chỉ trong nội bộ Chi cục Thuế quản lý.

- Đội Nghiệp vụ Quản lý thuế (Tuyên truyền - Hỗ trợ - Nghiệp vụ - Dự toán - Kế khai - Kế toán thuế - Tin học - Trước bạ và thu khác): Đội nghiệp vụ được chia làm các bộ phận, thực hiện các nhiệm vụ khác nhau:

+ Bộ phận Tuyên truyền - Hỗ trợ người nộp thuế: Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế thực hiện công tác tuyên truyền về chính sách pháp luật thuế; hỗ trợ người nộp thuế trong phạm vi Chi cục Thuế quản lý.

+ Bộ phận Kế khai - Kế toán thuế - Tin học: Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế thực hiện công tác đăng ký thuế, quản lý khai thuế, xử lý các hồ sơ hoàn thuế (trừ hoàn thuế TNCN và các khoản thu từ đất), khấu trừ thuế, tính thuế và thông báo thuế, nộp thuế, hoàn trả tiền thuế, kế toán thuế, thống kê thuế theo phân cấp quản lý; quản lý và vận hành hệ thống trang thiết bị tin học; triển khai, cài đặt, hướng dẫn sử dụng các phần mềm ứng dụng tin học phục vụ công tác quản lý thuế, quản lý nội ngành cho công chức thuế và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế.

+ Bộ phận Trước bạ và thu khác: Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế quản lý thu lệ phí trước bạ, các khoản đấu giá về đất, tài sản, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp (thuế tài sản), phí, lệ phí và các khoản thu

khác (bao gồm thuế TNCN của cá nhân hành nghề tự do, các khoản thu về đất bao gồm cả thuế TNCN đối với chuyển nhượng bất động sản, nhận thừa kế, quà tặng, lệ phí trước bạ và thu khác) phát sinh trên địa bàn thuộc phạm vi Chi cục Thuế quản lý; Thực hiện dự toán thu thuế đối với đối tượng được giao quản lý.

+ Bộ phận Tổng hợp - Nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế: Giúp Chi Cục trưởng Chi cục Thuế hướng dẫn về nghiệp vụ quản lý thuế, chính sách, pháp luật thuế cho công chức thuế trong Chi cục Thuế; thực hiện công tác pháp chế về thuế thuộc phạm vi Chi cục Thuế quản lý; xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước (đối với Chi cục thuế khu vực phải xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước cho từng địa bàn cấp huyện) và tổ chức thực hiện dự toán thu ngân sách nhà nước được giao của Chi cục Thuế.

+ Bộ phận Kiểm tra nội bộ: Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tính liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế; giải quyết khiếu nại (bao gồm cả khiếu nại các quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế và khiếu nại liên quan trong nội bộ cơ quan thuế) thuộc thẩm quyền của Chi cục trưởng Chi cục Thuế; tiếp nhận và chuyển các cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn thư tố cáo liên quan đến việc chấp hành công vụ của công chức, viên chức thuế.

- Đội thuế liên xã, thị trấn: Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế quản lý thuế các tổ chức (nếu có), cá nhân nộp thuế trên địa bàn xã, phường được phân công (bao gồm các hộ sản xuất kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ, kể cả hộ nộp thuế TNCN; thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế tài nguyên...); Thực hiện dự toán thu thuế đối với đối tượng được giao quản lý.

- Đội Kiểm tra thuế - Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế: Đội được chia làm các bộ phận thực hiện các nhiệm vụ:

+ Bộ phận Kiểm tra thuế: Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế thực hiện công tác kiểm tra việc tuân thủ pháp luật, tính liêm chính của cơ quan thuế, công chức thuế; giải quyết khiếu nại (bao gồm cả khiếu nại các quyết định xử lý về thuế của cơ quan thuế và khiếu nại liên quan trong nội bộ cơ quan thuế) thuộc thẩm quyền của

Chi cục trưởng Chi cục Thuế; tiếp nhận và chuyển các cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn thư tố cáo liên quan đến việc chấp hành công vụ của công chức, viên chức thuế.

+ Bộ phận Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế: Giúp Chi cục trưởng Chi cục Thuế thực hiện công tác quản lý nợ thuế, gia hạn thời hạn nộp thuế; khoan nợ, xoá tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ; miễn tiền chậm nộp thuế; không tính tiền chậm nộp thuế và cưỡng chế thu tiền nợ thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp (gọi chung là công tác quản lý nợ và cường chế nợ thuế) thuộc phạm vi quản lý của Chi cục Thuế.

** Tình hình nhân sự của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc*

Hiện nay, tổng số cán bộ đang công tác tại Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc tính đến thời điểm 31/12/2024 là 56 đồng chí (50 cán bộ biên chế và 6 trường hợp hợp đồng theo Nghị định 68). Trong đó:

- Ban lãnh đạo Chi cục bao gồm: 04 đồng chí
- Chi cục trưởng: 01 đồng chí
- Phó Chi cục trưởng: 03 đồng chí

05 Đội thuế chức năng bao gồm:

- Đội Nghiệp vụ quản lý thuế: 20 đồng chí
- Đội Hành chính - Nhân Sự - Quản trị - Tài vụ - Ấn chỉ: 12 đồng chí
- Đội Kiểm tra thuế - Quản lý nợ và cường chế nợ thuế: 12 đồng chí
- Đội thuế liên xã, thị trấn số 1: 6 đồng chí
- Đội thuế liên xã, thị trấn số 2: 6 đồng chí

Đối với mỗi một cơ quan, bộ phận, việc tổ chức nhân sự có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động. Vì vậy, trong công tác tổ chức phải làm sao đảm bảo cho số lượng cán bộ hợp lý và chất lượng được nâng cao, phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ được giao. Để thấy rõ hơn tình hình nhân sự cụ thể của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc hiện nay, chúng ta theo dõi biểu tổng hợp sau.

Bảng 2.1. Tình hình nhân sự Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc

SST	Chỉ tiêu	Năm 2024	
		Số lượng (người)	Tỉ lệ %
I	Tổng số	56	100
1	Biên chế	50	89,29
2	Hợp đồng	6	10,71
II	Phân theo giới tính		
1	Nam	15	26,79
2	Nữ	41	73,21
IV	Phân theo trình độ		
1	Trên đại học	17	30,36
2	Đại học	32	57,14
3	Cao đẳng, Trung cấp	7	12,5
3	Sơ cấp & khác	0	0
V	Phân theo độ tuổi		
1	Dưới 30	12	21,43
2	Từ 30- 40	21	37,5
3	Từ 41-50	13	23,21
4	Trên 50	10	17,86

Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc

Hiện nay, số lượng và chất lượng cán bộ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc đã tương đối phù hợp với quy mô cũng như tính phức tạp của công tác quản lý thuế trên địa bàn, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch được giao.

Tình hình bố trí nhân sự ở Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc khá đồng đều cả về số lượng và chất lượng. Tập trung chú trọng cho các phòng có chức năng nhiệm vụ nặng nề, phức tạp và khối lượng công việc lớn. Đội ngũ lãnh đạo được giao cho những cán bộ giỏi, lâu năm...

Trong những năm qua, Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc đã có nhiều cố gắng khắc phục khó khăn, chăm lo đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để xây dựng

đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của ngành. Đồng thời Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc cũng đã khẩn trương sắp xếp lại đội ngũ cán bộ hiện có, tổ chức bộ máy theo hệ thống chuyên ngành, đúng quy định và hướng dẫn của Tổng cục Thuế và Bộ Tài chính. Do đó công tác quản lý thuế của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc gặt hái được nhiều thành công đáng khích lệ.

2.1.3. Kết quả thu thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ giai đoạn 2022-2024

Trên địa bàn huyện Tứ Kỳ theo rà soát sơ bộ ban đầu cuối năm 2024 có trên 400 đơn vị chi trả, trong đó hơn 300 tổ chức kinh tế, gần 50 cơ quan quản lý Nhà nước và đơn vị sự nghiệp với gần 30.000 đối tượng người làm công ăn lương, hơn 700 hộ kinh doanh cá thể và nhiều đối tượng hoạt động đầu tư, chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản... Trong những năm vừa qua, Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc đã quyết liệt triển khai 5 nhiệm vụ trọng tâm, 2 khâu đột phá và 6 nhóm giải pháp công tác thuế nhằm quản lý thu ngân sách trên địa bàn vượt dự toán được giao, đồng thời tích cực triển khai cải cách hành chính, hiện đại hoá công tác quản lý thuế nói chung và quản lý thuế TNCN nói riêng. Kết quả cụ thể như sau:

Bảng 2.2. Kết quả thực hiện thu NSNN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc giai đoạn 2022-2024

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/Kế hoạch (%)
2022	278.350	334.126	120,04
2023	285.374	378.990	132,80
2024	305.423	417.835	136,81

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc)

Từ bảng số liệu trên cho ta thấy, tại địa bàn huyện Tứ Kỳ Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức dự toán ngân sách Nhà nước giao với số thu năm sau cao hơn năm trước. Số thu các năm 2022 là 334.126 triệu đồng, đạt 131,27% kế hoạch, năm 2023 là 378.990 triệu đồng, đạt 150,51% kế

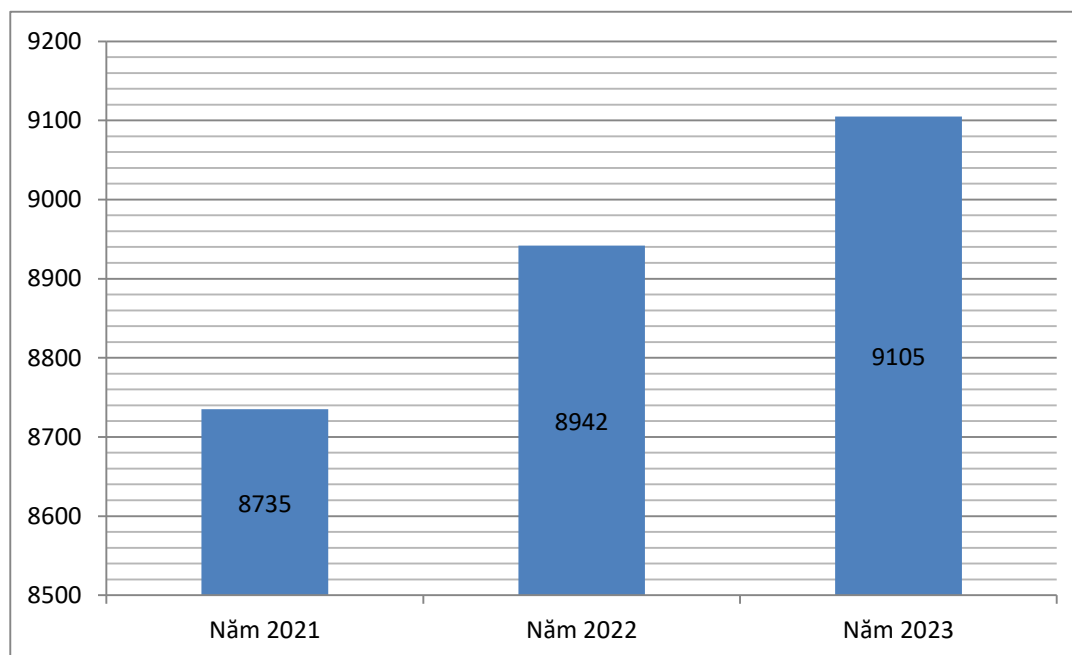
hoạch, năm 2024 là 417.835 triệu đồng, đạt 154,72% kế hoạch. Để đạt được những thành tựu trên, ngoài sự nỗ lực phấn đấu của toàn thể cán bộ công chức trong Chi cục, còn có sự chỉ đạo sát sao và hỗ trợ từ Huyện uỷ, Hội đồng Nhân dân huyện, UBND huyện, Cục Thuế tỉnh Hải Dương và các ban ngành có liên quan, sự phối kết hợp chặt chẽ của UBND các xã, thị trấn, công an, quản lý thị trường, ...

Trong quá trình triển khai thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, từ năm 2020 nền kinh tế nước ta chịu ảnh hưởng của dịch Covid -19, Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội; trong đó có chính sách miễn, giảm về thuế TNCN, một trong những biện pháp kích cầu cho nền kinh tế. Tuy nhiên số thu từ thuế TNCN luôn hoàn thành vượt mức dự toán được giao, năm sau luôn cao hơn năm trước và ngày càng chiếm tỷ trọng khá trong tổng thu ngân sách.

Số thu thuế TNCN giai đoạn 2022 - 2024 được thể hiện qua biểu đồ sau:

Biểu đồ 2.1. Tổng hợp kết quả thu thuế TNCN tại huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc giai đoạn 2022-2024

Đơn vị tính: triệu đồng



(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc)

Thu ngân sách về thuế TNCN qua các năm thực hiện Luật thuế TNCN có kết quả tốt, số thuế TNCN hàng năm của huyện Tứ Kỳ có sự tăng trưởng khá, năm sau cao hơn năm trước. Luật thuế TNCN ngoài việc kế thừa có chọn lọc các chính sách điều tiết thu nhập trước đây (Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân kinh doanh, thuế chuyển quyền sử dụng đất), đã bổ sung điều tiết đối với: thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán; thu nhập từ thừa kế, quà tặng là chứng khoán, phần vốn góp trong các tổ chức kinh tế, bất động sản và các tài sản khác phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng góp phần đảm bảo công bằng xã hội; giảm khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư và tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước. Kết quả thu ngân sách về thuế TNCN phân theo nguồn thu được cụ thể như sau:

Bảng 2.3. Tổng hợp kết quả thu thuế TNCN của huyện Tứ Kỳ giai đoạn 2022 - 2024 phân theo nguồn thu

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2022	2023	2024
Tổng số	8.735	8.942	9.105
Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công	573	425	604
Từ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.911	3.190	3.211
Từ đầu tư vốn	301	275	113
Từ chuyển nhượng vốn	78	145	99
Từ chuyển nhượng bất động sản	4.746	4.835	5.046
Từ trúng thưởng	40	0	32
Từ thu nhập khác	86	72	0

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc)

Từ năm 2022 đến năm 2024 số thuế TNCN thực thu của mỗi nguồn thu đều có sự biến động. Số thuế có sự tăng trưởng bao gồm: khoản thu từ tiền lương tiền công do chính sách tăng lương cơ bản theo Nghị quyết 69/2022/QH15 ngày 11/11/2022 của Quốc hội, khoản thu thuế TNCN từ hoạt động sản xuất kinh doanh

nhờ có các chính sách miễn giảm thuế, gia hạn nộp thuế hỗ trợ hồi phục kinh tế sau đại dịch mà hoạt động kinh doanh trên địa bàn huyện có xu hướng sôi động trở lại, ngoài ra hoạt động chuyển nhượng bất động sản sau thời gian dài đóng băng cũng có xu thế hoạt động trở lại dẫn tới số thuế TNCN từ hoạt động này có xu hướng tăng nhẹ.

2.2. Thực trạng quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc

2.2.1. Thực trạng công tác Tuyên truyền - hỗ trợ người nộp thuế

Cũng như các chính sách kinh tế - xã hội khác, Luật thuế thu nhập cá nhân muốn áp dụng thành công cần phải được đông đảo các tầng lớp dân cư trong xã hội thừa nhận, ủng hộ và nhận thức đúng về bản chất của nó. Do đó, cần tăng cường tuyên truyền, vận động sâu rộng trên phạm vi toàn huyện về Luật thuế thu nhập cá nhân, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn nội dung chủ yếu của Luật thuế một cách đơn giản và dễ hiểu. Công tác tuyên truyền và giải đáp vướng mắc về chính sách thuế TNCN cần diễn ra thường xuyên, liên tục và dưới nhiều hình thức khác nhau để chính sách được thực hiện một cách đồng bộ, nhất quán trong toàn ngành thuế đến người nộp thuế.

Nhận thức được tầm quan trọng của việc tuyên truyền - hỗ trợ NNT trong quá trình tổ chức thực thi Luật thuế thu nhập cá nhân cùng các chính sách liên quan. Chi cục Thuế đảm bảo thực hiện mỗi tháng viết ít nhất 2 tin bài đưa ra những nội dung nổi bật tại địa phương về chính sách thuế, cụ thể hoá nội dung tuyên truyền cho từng đối tượng nhận thu nhập: từ việc đăng ký thuế, thu nhập chịu thuế, phương pháp tính thuế, giảm trừ gia cảnh, kê khai, quyết toán thuế, xử lý vi phạm về thuế....để giúp người nộp thuế tiếp cận, nắm bắt kịp thời thông tin về chính sách thuế TNCN, tạo điều kiện tối đa cho người nộp thuế thực hiện tốt nghĩa vụ với NSNN. Chi cục phối hợp với Đài phát thanh huyện đưa tin, tuyên truyền trên hệ thống loa phát thanh cập nhật những chính sách mới nhất tới NNT.

Bên cạnh công tác tuyên truyền, chi cục luôn quan tâm đến việc hỗ trợ người nộp thuế nắm bắt kịp thời chính sách và thủ tục hành chính thuế liên quan đến thuế TNCN. Tại bộ phận “một cửa” Chi cục Thuế phân công cán bộ có đủ trình độ, năng

lực, phẩm chất hỗ trợ hướng dẫn giải đáp mọi vướng mắc về thuế cho tổ chức, cá nhân. Cung cấp miễn phí các loại văn bản, ấn phẩm thuế đến mọi đối tượng. Ngoài ra NNT còn được giải đáp các vướng mắc thông qua nhiều hình thức đa dạng như hỗ trợ qua điện thoại, qua Zalo, Facebook bằng văn bản, tập huấn chính sách chế độ cho người nộp thuế, qua trang thông tin điện tử ngành thuế. Định kỳ hàng quý, chi cục đã tổ chức hội nghị tập huấn đối thoại giữa cơ quan thuế với người nộp thuế, tại hội nghị cơ quan thuế đã tuyên truyền hướng dẫn chính sách mới và trực tiếp giải đáp các nội dung vướng mắc tới NNT.

Công tác tuyên truyền và hỗ trợ cho người nộp thuế luôn được Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc quan tâm thường xuyên. Số liệu hàng năm về công tác tuyên truyền pháp luật thuế được cụ thể như sau:

Bảng 2.4. Tình hình tuyên truyền chính sách thuế TNCN

Công tác	Đơn vị tính	2022	2023	2024
Tập huấn, tọa đàm đối thoại với NNT	Cuộc	4	4	4
Phối hợp với đài phát thanh đưa tin bài	Bài	28	33	35
Giải đáp chính sách thuế TNCN bằng văn bản	Văn bản	6	23	18
Giải đáp vướng mắc trực tiếp và qua điện thoại	Lượt	431	835	721

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc)

Nhìn chung, Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc đã chú trọng công tác tuyên truyền, hướng dẫn người nộp thuế với nhiều hình thức phong phú đa dạng, nội dung cụ thể, thiết thực, dễ hiểu giúp người dân hiểu về ý nghĩa của việc thực hiện nghĩa vụ thuế, phương pháp kê khai, tính thuế, nộp thuế, quyết toán thuế. Đồng thời, lãnh đạo Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc đã chỉ đạo các đội thuế phân công cán bộ có năng lực, nghiệp vụ làm thủ tục hành chính thuế và hướng dẫn kê khai nộp thuế, thành lập các đường dây nóng, các kênh thông tin cần thiết, thích hợp, nhanh chóng và hiệu quả nhất để có thể tư vấn, hỗ trợ và giải đáp những vướng mắc cho người nộp thuế.

2.2.2. Thực trạng công tác Đăng ký thuế; Kế khai – kê toán thuế

a. Đăng ký mã số thuế

Mã số thuế là một dãy các chữ số được mã hoá theo một nguyên tắc thống nhất để cấp cho từng người nộp thuế theo quy định của các Luật Thuế, Pháp lệnh phí và lệ phí (gọi chung là “pháp luật về thuế”).

Hiện nay, mã số thuế TNCN là một dãy gồm 10 số. Từ năm 2009, năm đầu tiên Luật Thuế TNCN có hiệu lực, thực hiện chỉ đạo của Tổng cục Thuế và Cục Thuế tỉnh Hải Dương, Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc đã tổ chức cấp mã số thuế cho tất cả các cá nhân làm công ăn lương qua tổ chức chi trả thu nhập, đồng thời tổ chức chi trả thực hiện đăng ký cấp mã số thuế cá nhân qua mạng điện tử đến cơ quan thuế.

Bắt đầu từ năm 2014 việc kê khai và nộp tờ khai đăng ký cấp mã số thuế, tờ khai nộp thuế, quyết toán thuế TNCN đã được thực hiện qua cổng thông tin điện tử toàn quốc tại trang tncnonline.com.vn nên việc sử dụng thông tin phục vụ cho công tác quản lý thuế TNCN đạt được nhiều thành công và thuận lợi.

Đến tháng 2/2020 hệ thống dịch vụ thuế điện tử thuedientu.gdt.gov.vn đã hoàn thành triển khai ở các tỉnh và thành phố trên cả nước. Hệ thống tích hợp nhiều tính năng từ đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế, ... NNT có thể có thể tiếp cận và quản lý tất cả các dịch vụ điện tử trên hệ thống duy nhất thay vì phải đăng nhập vào nhiều ứng dụng khác nhau trước đây. NNT đăng nhập vào một hệ thống để sử dụng tất cả các dịch vụ, quản lý tất cả hồ sơ quản lý dịch vụ thuế mà không cần thay đổi địa chỉ trang web hay đăng nhập lại hệ thống. Điều này cũng giúp NNT dễ dàng thực hiện đầy đủ các bước trong quy trình kê khai, nộp thuế, hoàn thuế, tra cứu thông tin hồ sơ, nghĩa vụ thuế.

Kể từ khi bắt đầu thực hiện đăng ký MST cá nhân, số lượng MST được cấp qua các năm tăng đáng kể.

Bảng 2.5. Tình hình cấp MST cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ giai đoạn 2022-2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	So sánh	
					2023/2022	2024/2023
Tổng số mã số thuế cá nhân có thu nhập từ TL, TC	Lượt	3.436	3170	2.772	92,26%	87,44%
Mã số thuế cá nhân có thu nhập khác	Lượt	217	196	142	90,32%	72,45%
Tổng cộng	Lượt	3.653	3.366	2.914	92,14%	86,57%

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc)

Qua bảng số liệu trên, ta thấy Chi cục thuế khu vực Tứ Lộc đã rất tích cực trong triển khai cấp MST cá nhân đến đối tượng nộp thuế trên địa bàn huyện Tứ Kỳ. Năm 2022 tổng số MST cá nhân cấp mới là 3.653, năm 2023 con số này là 3.366 mã số, năm 2024 là 2.914 mã số. Tổng số mã số thuế TNCN trong 3 năm (từ năm 2022-2024) đã cấp là 9.933 mã số. Như vậy, Chi cục đã hoàn thành về cơ bản việc cấp MST cá nhân đến đối tượng nộp thuế, đây là nỗ lực rất lớn của Chi cục thuế khu vực Tứ Lộc trong công tác đăng ký, cấp mã số thuế TNCN.

b. Khai khai – kế toán thuế

** Khai thuế, tính thuế*

- Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công

+ Khai khai, nộp thuế thông qua cơ quan chi trả thu nhập

Đối với cơ quan chi trả thu nhập, việc kê khai nộp thuế hàng tháng, quý được thực hiện như sau:

Áp dụng mức khấu trừ thuế theo biểu lũy tiến từng phần đối với khoản chi trả thu nhập cho cá nhân thuộc quản lý của cơ quan chi trả thu nhập.

Áp dụng mức khấu trừ 10% trên thu nhập trả cho các cá nhân có MST và 20% đối với cá nhân không có MST đối với các khoản chi trả cho cá nhân có thu nhập từ 2.000.000 đồng/lần trở lên mà khoản thu nhập này phát sinh từng lần.

+ Khai khai nộp thuế tại cơ quan thuế

Hàng tháng, cá nhân nộp tờ khai thuế TNCN tại cơ quan thuế quản lý. Trường hợp cá nhân xác định thu nhập ổn định hàng tháng trong tờ khai thuế đầu năm thì nộp tờ khai của tháng đầu tiên, các tháng tiếp theo không cần nộp tờ khai này nhưng vẫn thực hiện tạm tính và nộp thuế hàng tháng theo thời hạn quy định.

Số đối tượng nộp thuế chủ yếu là các cá nhân uỷ quyền các tổ chức chi trả thu nhập thực hiện quyết toán thay. Các đơn vị này thường là các đơn vị hành chính sự nghiệp, doanh nghiệp liên doanh hay doanh nghiệp nước ngoài có quy mô lớn.

- Đối với các thu nhập khác

Thuế TNCN đối với các khoản thu nhập khác được nộp cho từng lần phát sinh thu nhập. Một số khoản thu nhập thường gặp là thu nhập từ chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho bất động sản, từ chuyển nhượng vốn, đầu tư vốn, trúng thưởng, quà tặng...NNT tự kê khai và nộp thuế thông qua tờ khai thuế theo từng lần phát sinh.

Việc thực hiện kê khai, nộp tờ khai thuế của doanh nghiệp và hộ kinh doanh đảm bảo đúng thời hạn quy định. Tăng cường đôn đốc kê khai và nộp hồ sơ khai thuế trên hệ thống HTKK, công tác kiểm tra giám sát việc kê khai thuế của người nộp thuế, qua đó phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm trong việc kê khai. Bên cạnh việc thường xuyên đôn đốc nhắc nhở, Chi cục thuế đã kiên quyết áp dụng các biện pháp xử phạt vi phạm hành chính đối với công tác quản lý kê khai thuế. Nhờ đó, công tác quản lý khai thuế TNCN trong những năm qua đã đạt được những kết quả nhất định.

Bảng 2.6. Tình hình nộp tờ khai thuế TNCN tại huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc giai đoạn 2022-2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số hồ sơ khai thuế đúng hạn	Hồ sơ	2.217	2.581	3.005
Số hồ sơ khai thuế quá hạn	Hồ sơ	46	34	25
Tổng cộng	Hồ sơ	2.263	2.615	3.030

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc)

Qua bảng 2.6 ta thấy công tác kê khai thuế TNCN tại huyện Tứ Kỳ thực hiện khá tích cực. Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc thường xuyên đôn đốc các đơn vị kê khai thuế theo tháng, theo quý, quyết toán thuế TNCN đúng thời hạn. Đối với các hồ sơ kê khai sai, chi cục đã hướng dẫn kịp thời giúp đơn vị khắc phục và sửa chữa.

Giai đoạn 2022-2024, Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc tiếp tục triển khai công tác xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế nhằm bổ sung, cập nhật các thông tin về đối tượng nộp thuế được hoàn thuế, thông tin về cá nhân có nhiều nguồn thu nhập phải quyết toán trực tiếp với cơ quan thuế, thực hiện cập nhật cơ sở dữ liệu với chương trình quản lý. Thực hiện cập nhật thông tin NNT, số thu nộp thuế TNCN trên Hệ thống quản lý thuế tập trung TMS.

* Nộp thuế

Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc đã triển khai thực hiện dự án Hiện đại hoá quy trình quản lý thu, nộp thuế giữa các cơ quan liên quan như Thuế - Kho bạc - Sở Lao động thương binh và xã hội - Bảo hiểm xã hội trên phạm vi toàn tỉnh. Kết quả triển khai dự án đã mang lại lợi ích cho cả người nộp thuế và các cơ quan quản lý nhà nước. Phối hợp với cơ quan kho bạc triển khai mở rộng ủy nhiệm thu qua ngân hàng tại tất cả các địa bàn, giúp cho người nộp thuế thực hiện nộp vào ngân sách thuận lợi, việc kế toán thu ngân sách tại cơ quan thuế và kho bạc được thực hiện nhanh chóng, đơn giản, chính xác, thống nhất được dữ liệu số thu NSNN giữa cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước. Đến nay tất cả các đơn vị trên địa bàn huyện đã đăng ký ủy nhiệm thu qua ngân hàng. Đồng thời, việc phối hợp với Sở Lao động thương binh và xã hội, Bảo hiểm xã hội tỉnh giúp cơ quan thuế kiểm soát được mức thu nhập của các đơn vị chi trả cho người lao động, tránh tình trạng gian lận, trốn thuế.

Huyện Tứ Kỳ là một trong những đơn vị dẫn đầu trong toàn tỉnh về cải cách hành chính và hiện đại hóa công tác quản lý thuế với việc triển khai thành công các dự án như: **“Kê khai thuế qua mạng Internet”**, **“Nộp thuế điện tử”**. Đồng thời, lãnh đạo chi cục đã phân công cán bộ chuyên môn hướng dẫn kê khai nộp thuế, thành lập các đường dây nóng, các kênh thông tin cần thiết, thích hợp, nhanh chóng và hiệu quả nhất để có thể tư vấn, hỗ trợ và giải đáp những vướng mắc cho người nộp thuế.

** Quyết toán thuế:*

Các tổ chức, cá nhân trả các khoản thu nhập phải khấu trừ thuế không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không có khấu trừ thuế, có trách nhiệm khai quyết toán thuế theo quy định.

- Đối với tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

Tổ chức, cá nhân trả thu nhập thuộc diện chịu thuế TNCN không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế có trách nhiệm khai quyết toán thuế và quyết toán thuế thay cho cá nhân có uỷ quyền. Trường hợp tổ chức, cá nhân không phát sinh trả thu nhập trong năm thì không phải khai quyết toán thuế TNCN.

Tổ chức, cá nhân trả thuế TNCN chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì phải quyết toán thuế đối với số thuế TNCN đã khấu trừ chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày có quyết định về việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, hoặc phá sản và cấp chứng từ khấu trừ thuế cho người lao động để làm cơ sở cho người lao động thực hiện quyết toán thuế TNCN. Riêng tổ chức, cá nhân trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động có phát sinh trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập không thực hiện quyết toán thuế TNCN, chỉ cung cấp cho cơ quan thuế danh sách cá nhân đã chi trả thu nhập trong năm (nếu có) chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày có quyết định về việc giải thể, chấm dứt hoạt động.

Trường hợp sau khi tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi), người lao động được điều chuyển từ tổ chức cũ đến tổ chức mới (tổ chức được hình thành sau khi tổ chức lại doanh nghiệp), cuối năm người lao động có uỷ quyền quyết toán thuế thì tổ chức mới phải thu lại chứng từ khấu trừ thuế TNCN do tổ chức cũ đã cấp cho người lao động để làm căn cứ tổng hợp thu nhập, số thuế đã khấu trừ và quyết toán thuế thay cho người lao động.

- Đối với cá nhân trực tiếp quyết toán thuế:

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công; thu nhập từ kinh doanh có trách nhiệm khai quyết toán thuế nếu có số thuế phải nộp thêm hoặc có số thuế nộp

thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ thuế vào kỳ khai thuế tiếp theo hoặc cá nhân cư trú là người nước ngoài kết thúc Hợp đồng làm việc tại Việt Nam khai quyết toán thuế với cơ quan thuế trước khi xuất cảnh trừ các trường hợp sau:

- + Cá nhân có số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau.

- + Cá nhân, hộ kinh doanh có thu nhập từ kinh doanh đã thực hiện nộp thuế theo phương pháp khoán.

- + Cá nhân, hộ gia đình chỉ có thu nhập từ việc cho thuê nhà, cho thuê quyền sử dụng đất đã thực hiện nộp thuế theo kê khai tại nơi có nhà, quyền sử dụng đất cho thuê.

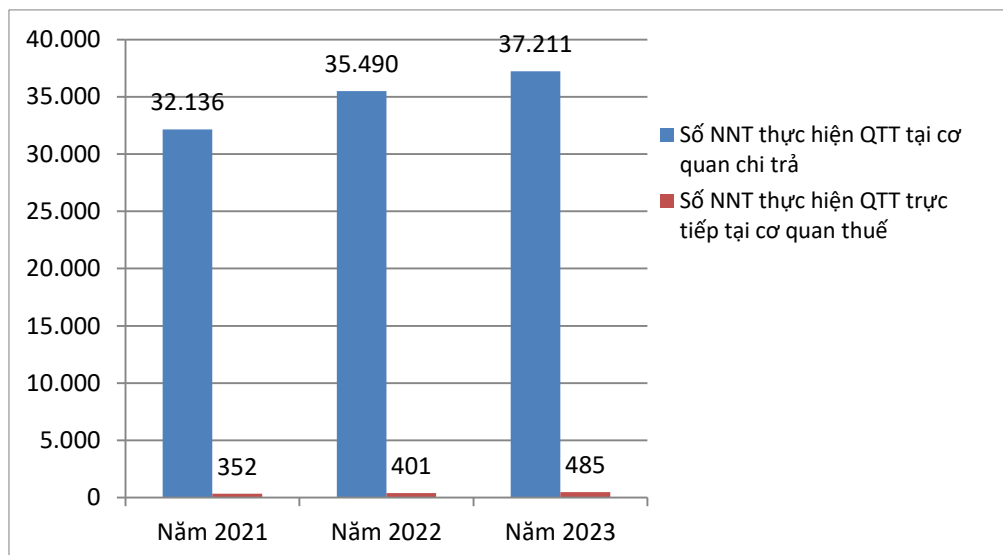
- + Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị mà có thêm thu nhập vãng lai ở các nơi khác bình quân tháng trong năm không quá 10 triệu đồng đã được đơn vị trả thu nhập khấu trừ thuế tại nguồn theo tỷ lệ 10% nếu không có yêu cầu thì không quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- + Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị mà có thêm thu nhập từ cho thuê nhà, cho thuê quyền sử dụng đất có doanh thu bình quân tháng trong năm không quá 20 triệu đồng đã nộp thuế tại nơi có nhà cho thuê, có quyền sử dụng đất cho thuê nếu không có yêu cầu thì không quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- + Cá nhân là đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, bán hàng đa cấp đã được tổ chức trả thu nhập khấu trừ thuế TNCN thì không quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

- Cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán, cuối năm nếu có yêu cầu áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế thì thực hiện khai quyết toán thuế trực tiếp với cơ quan thuế. Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần mà không có yêu cầu xác định lại số thuế TNCN theo thuế suất 20% thì không phải quyết toán thuế.

Biểu đồ 2.2. Số NNT thực hiện quyết toán thuế qua 2 hình thức tại huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lặc từ 2022-2024



(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Tứ Lặc)

Qua biểu đồ trên ta thấy: Số người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế TNCN chủ yếu qua hình thức là quyết toán thuế TNCN tại cơ quan chi trả thu nhập. Chỉ có một số lượng nhỏ người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế tại cơ quan thuế. Điều này là do, người nộp thuế TNCN hiện nay ở Tứ Kỳ chủ yếu là thu nhập từ lương của những người lao động làm việc tại các nhà máy, xí nghiệp, cơ quan hành chính nhà nước, chỉ có một số ít là các nguồn thu nhập từ hoạt động kinh doanh, chuyển nhượng, trúng thưởng và có nhiều nguồn thu nhập. Do đó, người nộp thuế chủ yếu thực hiện kê khai quyết toán thuế tại cơ quan chi trả thu nhập. Lượng người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế tại cơ quan chi trả thu nhập tăng dần qua các năm. Năm 2022 chỉ tiêu này là 32.136 người, năm 2023 là 35.490 người tăng hơn so với năm 2022 là 3.354 người, năm 2024 là 37.211 người tăng so với năm 2023 là 1.721 người. Số lượng người thực hiện quyết toán thuế trực tiếp tại cơ quan thuế với số lượng nhỏ hơn, nhưng xét về mặt tuyệt đối, số người thực hiện quyết toán thuế trực tiếp tại cơ quan thuế cũng có sự tăng lên qua các năm. Chỉ tiêu này năm 2022 là 350 người, năm 2023 là 401 người, năm 2024 là 485 người. Việc thực hiện quyết toán thuế tại Chi cục Thuế khu vực Tứ Lặc tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước.

2.2.3. Thực trạng công tác Miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế

*** Miễn thuế, giảm thuế**

Thực hiện theo chỉ đạo tại Nghị quyết số 406/2021/NQ-UBTVHQ15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19. Tại Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết trên quy định “*Miễn thuế thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế khác phải nộp phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của các tháng trong Quý III và Quý IV năm 2021 đối với hộ, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các địa bàn cấp huyện chịu tác động của dịch COVID-19 trong năm 2021 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định. Không áp dụng việc miễn thuế đối với các khoản thu nhập, doanh thu từ cung cấp sản phẩm và dịch vụ phần mềm; sản phẩm và dịch vụ nội dung thông tin số về giải trí, trò chơi điện tử, phim số, ảnh số, nhạc số; quảng cáo số.*” Trong ngắn hạn, chính sách này đã góp phần hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tạo điều kiện thuận lợi cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phục hồi, duy trì và phát triển sản xuất, kinh doanh.

- Hoàn thuế thu nhập cá nhân

Công tác hoàn thuế TNCN tại Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc trong những năm qua đã được triển khai thực hiện hoàn toàn trên hệ thống điện tử từ khâu nộp hồ sơ, ban hành thông báo, quyết định hoàn đến khâu chuyển lệnh hoàn sang kho bạc và hoàn tiền trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của người nộp thuế. Hồ sơ hoàn thuế TNCN được NNT nộp qua hệ thống *thuedientu.gdt.gov.vn* gửi tới cơ quan thuế, cơ quan thuế xem xét ra thông báo chấp nhận/không chấp nhận trong vòng 3 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ online. Sau khi ra thông báo, cơ quan thuế xử lý trả quyết định hồ sơ đủ/ không đủ điều kiện hoàn thuế trong vòng 6 ngày làm việc gửi tới người nộp thuế qua hòm thư điện tử của người nộp thuế. Các thủ tục hoàn thuế thực hiện theo đúng quy định của Luật thuế TNCN và tạo điều kiện hết mức cho người nộp thuế trong quá trình tiến hành kê khai, xác minh.

Bảng 2.7. Số lượng hồ sơ và số tiền hoàn thuế TNCN tại huyện Tứ Kỳ từ năm 2022 đến năm 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số hồ sơ đề nghị hoàn	Hồ sơ	116	165	247
Số hồ sơ đủ điều kiện hoàn	Hồ sơ	92	118	195
Số hồ sơ không đủ điều kiện hoàn	Hồ sơ	24	47	52
Tổng số tiền hoàn	Triệu đồng	848	1.214	1.462

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc)

Số lượng hồ sơ hoàn thuế năm sau tăng cao hơn so với năm trước cho thấy ý thức tạm nộp thuế TNCN của NNT và của tổ chức chi trả đã được cải thiện. Người dân nắm rõ luật thuế TNCN tự giác chấp hành nộp thuế. Số hồ sơ đủ điều kiện hoàn thuế năm 2023 tăng 26 bộ so với năm 2022, số tiền hoàn thuế năm 2023 tăng 366 triệu đồng tương ứng với tỉ lệ 143,16%. Số hồ sơ đủ điều kiện hoàn thuế năm 2024 tăng 77 bộ so với năm 2023, số tiền hoàn thuế năm 2024 tăng 248 triệu đồng tương ứng với tỉ lệ 120,42%.

2.2.4. Thực trạng công tác Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật thuế

Cùng với việc thực hiện cơ chế “tự khai tự nộp tự chịu trách nhiệm” nhằm phát huy tính tự chủ, ý thức tuân thủ pháp luật của NNT cần phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hồ sơ khai thuế của NNT nhằm chống thất thu thuế qua việc kê khai thuế; ngăn chặn và xử lý kịp thời những vi phạm về thuế, nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật thuế của NNT trong việc thực hiện kê khai thuế, tính thuế và nộp thuế, đảm bảo công bằng về nghĩa vụ thuế và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp.

Đội Kiểm tra thuế - Quản lý nợ và Cường chế nợ thuế phối hợp với Bộ phận kê khai của Đội nghiệp vụ quản lý thuế lên kế hoạch kiểm tra trên cơ sở thu thập, phân tích thông tin của các đơn vị, tổ chức chi trả thu nhập, doanh nghiệp và báo cáo về tình hình của hộ kinh doanh cá thể. Để công tác kiểm tra đạt hiệu quả cao trong điều kiện nguồn nhân lực còn mỏng, các cán bộ được phân công nhiệm vụ về quản lý thuế TNCN đã tập trung nguồn lực thực hiện kiểm tra hồ sơ khai thuế của

NNT quản lý tại cơ quan thuế, nhằm phân tích tốt hơn thông tin về NNT qua đó để đánh giá, xác định mức độ rủi ro về thuế, đặc biệt đối với NNT thuộc các đối tượng như giáo viên, bác sỹ.

Bảng 2.8. Kết quả kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế TNCN

Nội dung	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số cuộc kiểm tra	Cuộc	11	15	19
- Thường xuyên	Cuộc	7	10	16
- Đột xuất	Cuộc	4	5	3
Số đơn vị kiểm tra	Đơn vị	31	37	40
Số tiền truy thu và xử phạt	Triệu đồng	136	112	107
- Số tiền truy thu	Triệu đồng	79	54	48
- Số tiền kê khai thiếu	Triệu đồng	22	36	35
- Tiền chậm nộp	Triệu đồng	20	5	14
- Phạt vi phạm hành chính	Triệu đồng	15	17	10

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc)

Qua công tác kiểm tra thuế TNCN tại trụ sở người nộp thuế hàng năm Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc đã tiến hành truy thu, xử phạt với tổng số tiền hàng trăm triệu đồng. Các trường hợp vi phạm gian lận tiền thuế, trốn thuế hoặc hiểu nhầm chính sách thuế dẫn đến kê khai sai khai thuế số thuế TNCN như:

- Đơn vị chi trả thu nhập xác định chưa chính xác thu nhập phải chịu thuế của cá nhân dẫn đến đưa ra các khoản phụ cấp, trợ cấp ra khỏi thu nhập chịu thuế. Điều này chưa đúng theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2012 của Bộ Tài chính.

- Hộ kinh doanh, kê khai sai, khai thiếu doanh thu thực tế phát sinh trên doanh thu trên tờ khai 01/CNKD ban hành kèm theo Thông tư 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính dẫn đến thiếu số thuế TNCN phải nộp.

- Cá nhân có hồ sơ chuyển nhượng bất động sản thường khai giá chuyển nhượng thấp hơn giá giao dịch thực tế để nộp số thuế TNCN thấp hơn. Ngoài ra, một số cá nhân đầu tư bất động sản không thực hiện nộp hồ sơ sang tên thừa đất khi

có giao dịch mua bán mà chỉ ký hợp đồng chuyển nhượng bất động sản tại văn phòng công chứng, sau khi tìm được khách mua mới thì huỷ hợp đồng chuyển nhượng và nhờ chủ cũ ký hợp đồng chuyển nhượng mới. Việc này đã làm thất thoát số tiền thuế TNCN thực tế phát sinh.

Nhìn chung, công tác kiểm tra thuế luôn được Chi cục Thuế coi trọng và thực hiện tốt theo quy định của Luật quản lý thuế. Tất cả tờ khai thuế đã được phân tích kiểm tra tại cơ quan thuế thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu NNT để phân tích thông tin, đánh giá rủi ro, xác định đối tượng và nội dung cần kiểm tra. Việc kiểm tra tại trụ sở NNT được thực hiện theo quy trình chặt chẽ, tránh phiền hà cho NNT.

Thông qua các cuộc kiểm tra tại trụ sở NNT đã phát hiện nhiều sai sót và đã xử lý truy thu thuế góp phần tăng thu cho NSNN, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật. Nhờ đẩy mạnh công tác kiểm tra thuế đã góp phần răn đe, ngăn chặn các hành vi vi phạm, gian lận thuế, đẩy lùi tình trạng thành lập “công ty ma” để kinh doanh hoá đơn bất hợp pháp trên địa bàn quản lý hoặc kê khai không trung thực về số thu nhập được trả trong năm, giảm thiểu các sai phạm trong đăng ký giám trừ gia cảnh cho người phụ thuộc, góp phần làm cho việc thực thi chính sách thuế đạt kết quả tốt hơn.

Hoạt động kiểm tra thuế nói chung và thuế TNCN nói riêng đã góp phần tạo lập công bằng về nghĩa vụ thuế, thúc đẩy cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện.

2.2.5. Thực trạng công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc đã xây dựng kế hoạch, giao chỉ tiêu thu nợ thuế đến các đơn vị trong ngành trong đó có thuế TNCN, chỉ đạo các đơn vị tăng cường áp dụng các biện pháp đôn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế: Thực hiện việc phân loại và phân tích nguyên nhân nợ để có biện pháp xử lý phù hợp và kịp thời theo quy định của pháp luật.

Bảng 2.9. Số liệu nợ thuế TNCN của cơ quan chi trả các năm 2022 - 2024 tại huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Thuế TNCN nợ	Triệu đồng	1.246	1.375	1.495
Nợ có khả năng thu	Triệu đồng	394	622	735
Nợ không có khả năng thu	Triệu đồng	852	753	760

(Nguồn: Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc)

Qua phân tích về tình hình nợ thuế TNCN tại Chi cục Thuế cho thấy:

Nợ thuế năm 2023 tăng so với năm 2022 là 129 triệu đồng tương ứng tăng 10,35%. Nợ thuế năm 2024 tăng so với năm 2023 là 120 triệu tương đương 8,72%. Một số nguyên nhân dẫn đến nợ thuế mỗi năm một tăng là:

Về phía người nộp thuế: Nguyên nhân của tình trạng nợ còn chiếm tỉ trọng cao là do nền kinh tế nước ta những năm gần đây đang gặp khó khăn do ảnh hưởng của chiến tranh ở phương tây và người dân tập trung khắc phục khó khăn sau dịch bệnh. Ngoài ra còn do tình tuân thủ pháp luật về thuế của người dân còn chưa cao, chây ỳ trong việc nộp thuế.

Về phía cơ quan thuế: Do thuế TNCN là sắc thuế tương đối nhạy cảm, phụ thuộc lớn vào ý thức người nộp thuế cũng như tinh thần đóng góp cho ngân sách nhà nước. Do vậy, mặc dù đã triển khai các biện pháp để thúc đẩy tăng thu thuế TNCN nhưng chưa thực sự có hiệu quả. Việc thiết lập củng cố các hồ sơ, thủ tục, phối hợp của cơ quan thuế với các cơ quan liên quan nhằm thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế vẫn chưa kịp thời, thường xuyên.

2.3. Đánh giá công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc

2.3.1. Những kết quả đạt được

Thời gian qua việc áp dụng Luật Thuế TNCN mang lại nhiều thuận lợi, đồng thời cũng gặp nhiều thách thức trong quá trình thực hiện. Công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ cũng đã từng bước cải thiện cho phù hợp với tình hình mới và đã đạt được một số thành tựu đáng kể.

Thứ nhất: Huy động ngày càng nhiều thu nhập của cá nhân có thu nhập cao cho ngân sách nhà nước

Trong giai đoạn từ năm 2022 đến năm 2024, công tác ban hành chính sách luôn được quan tâm. Luật Thuế TNCN được sửa đổi, bổ sung nhiều lần để bắt kịp với những thay đổi của đời sống kinh tế xã hội, qua đó đem lại những kết quả bước đầu.

Số thu ngân sách từ thuế TNCN qua các năm ngày càng tăng: Tại Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc tỷ trọng thuế TNCN trên tổng số thu thuế cũng tăng từ 7,08% năm 2022 lên 8,93% năm 2024. Để đạt được kết quả trên một phần là do những đổi mới trong chính sách thuế, một phần quan trọng không thể thiếu là Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc đã triển khai kịp thời và tăng cường các biện pháp quản lý thuế TNCN.

Một phần thu nhập của những người có thu nhập cao đã được chuyển vào ngân sách, thông qua đó, Nhà nước có thể sử dụng vào các mục đích phát triển chung của xã hội. Qua đó, tình trạng chênh lệch về thu nhập cũng được giảm bớt, giảm sự phân chia giàu nghèo giữa các tầng lớp.

Thứ hai: Thủ tục hành chính đã được cải cách hợp lý hơn

Phương pháp quản lý thuế theo cách khấu trừ tại nguồn đó giúp giảm được 85% số lượng cá nhân đăng ký nộp thuế tại các Chi cục Thuế, cơ quan chi trả quyết toán thay cá nhân có thu nhập tại một nơi duy nhất giúp tiết kiệm thời gian và chi phí cho cả cơ quan thuế và người dân, công tác quản lý thuế cũng thuận lợi hơn. Hệ thống thuế đang trong giai đoạn tiến hành cải cách bước 2. Biện pháp thu thuế theo cách ủy nhiệm thu đã được cơ quan thuế thực hiện tốt hơn do việc phối kết hợp với các cơ quan, các ban ngành khác chặt chẽ hơn, NNT đã có ý thức cao hơn trong vấn đề nộp thuế TNCN. Việc quản lý thuế thông qua Kho bạc nhà nước đã tập trung nguồn thu cho NSNN một cách nhanh chóng, giảm dần tình trạng cán bộ thuế chiếm dụng, xâm phạm tiền thuế, giảm bớt thời gian và chi phí đi lại, kê khai nộp thuế của từng cá nhân, ổn định về mặt tổ chức, giúp cán bộ thuế dễ dàng, thuận lợi trong công việc.

Thứ ba: Chính sách thuế TNCN được tuyên truyền rộng rãi

Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thuế TNCN đã bước đầu tạo cho những người dân có thu nhập hiểu biết, làm quen với việc kê khai thu nhập, từ đó có ý thức hơn về nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Nhà nước. Điều đó thể hiện ở số lượng người được cấp MST và nộp báo cáo quyết toán thuế TNCN năm 2024 tăng cao so với năm 2022. Số buổi cơ quan thuế tổ chức gặp mặt doanh nghiệp, tổ chức cũng gia tăng hơn, các cuộc tập huấn về các huyện diễn ra thường xuyên góp phần phổ biến rộng rãi các quyết định, thông tư, các thắc mắc của doanh nghiệp được giải quyết kịp thời.

Thứ tư: Năng lực bộ máy quản lý thuế được nâng cao thêm

Tổ chức quản lý thuế tại Chi cục Thuế được tổ chức theo chức năng đã hạn chế được tiêu cực trong công tác quản lý thuế theo kiểu “khép kín”. Từng bước thực hiện chuyên môn hoá quản lý theo chức năng nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng tin học vào quản lý thuế.

Bộ phận tuyên truyền - hỗ trợ cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu tuyên truyền pháp luật thuế, hỗ trợ người nộp thuế trong việc giải đáp các vướng mắc trong việc thực hiện pháp luật thuế, đặc biệt là việc hỗ trợ trực tiếp người nộp thuế, tiếp nhận hồ sơ khai thuế của người nộp thuế tại bộ phận một cửa “tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ hỗ trợ về thuế” đã tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

Các thủ tục hành chính thuế được cải cách theo hướng đơn giản, rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người nộp thuế khi thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Thứ năm: Về sự hài lòng của người nộp thuế

Chi cục Thuế thực hiện công khai các thủ tục hành chính trong thời gian qua đã góp phần tích cực giúp người nộp thuế trên địa bàn thực hiện tốt chính sách thuế của Nhà nước.

Thực hiện Chiến lược cải cách hệ thống Thuế được Chính phủ phê duyệt, Chi cục Thuế đã triển khai thực hiện tốt việc quản lý thuế theo chức năng, tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế thực hiện tốt việc tự kê khai, tự tính thuế, tự nộp thuế vào Ngân sách Nhà nước, đề xuất cắt giảm một số thủ tục rườm rà không cần thiết, quán

triệt tư tưởng cán bộ không gây phiền hà sách nhiễu cho người nộp thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế đăng ký, kê khai thuế cũng như hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế vào NSNN.

Thực hiện khảo sát người nộp thuế năm 2024 Chi cục Thuế đã khảo sát NNT trên địa bàn bao gồm những nội dung nhằm giúp việc đổi mới cải cách của toàn ngành thuế. Đó là các nội dung liên quan tới: (1) Công tác xây dựng chính sách, pháp luật thuế; (2) Cung cấp dịch vụ công của Cơ quan thuế; (3) Tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính thuế; (4) Công tác thanh tra, kiểm tra của Cơ quan Thuế; (5) Công tác xử lý khiếu nại, tố cáo, phản ánh kiến nghị của Cơ quan Thuế; (6) Các ý kiến góp ý nhằm nâng cao chất lượng phục vụ NNT trong thời gian tới.

(Phụ lục 1- Mẫu Phiếu đánh giá của người nộp thuế đối với sự phục vụ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc)

Theo đó, kết quả đánh giá sự hài lòng của người nộp thuế với cơ quan thuế có 4.080 lượt NNT tham gia đánh giá. Kết quả đánh giá thu được: có 78.314 lượt đánh giá rất hài lòng, 72.439 lượt đánh giá hài lòng, 4.281 lượt đánh giá bình thường, 2 lượt đánh giá không hài lòng. Điểm chỉ số hài lòng đạt 89.55 điểm.

(Phụ lục 2- Bảng tổng hợp kết quả đánh giá sự hài lòng của NNT)

Kết quả đánh giá chung cho thấy, việc đơn giản hóa chính sách, TTHC thuế, sửa đổi các quy trình nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ thông tin để hỗ trợ NNT nộp thuế điện tử đã đem lại nhiều lợi ích thiết thực, được cộng đồng NNT ghi nhận và đánh giá cao.

Với chỉ số “sự phục vụ của công chức thuế”, năm 2024 nội dung này đã được NNT đánh giá cao. Trong đó, cả ba khía cạnh đánh giá là kỷ cương và tác phong làm việc của công chức thuế; mức độ hài lòng với công chức thuế tại từng bộ phận chức năng của cơ quan thuế và chi phí ngoài quy định trong thực hiện TTHC thuế đều thu được những phản hồi khá tích cực.

Bộ Tài chính đã xây dựng trình các cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, các quy trình nghiệp vụ về thuế để cắt giảm thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, thúc đẩy doanh

nghiệp phát triển; qua đó đã cắt giảm được hàng trăm giờ nộp thuế cho doanh nghiệp góp phần cải thiện Chỉ số “Nộp thuế”, phối hợp với 52 Ngân hàng Thương mại triển khai dịch vụ nộp thuế điện tử. Để đạt được những thành tựu trên có thể kể đến một số nguyên nhân sau:

- Sự chỉ đạo quyết liệt từ Ban lãnh đạo Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc và sự quan tâm, phối hợp chặt chẽ của các cơ quan ban ngành liên quan như UBND huyện, UBND các xã, thị trấn, công an, quản lý thị trường...

- Hệ thống chính sách về thuế ngày càng được bổ sung, hoàn thiện phù hợp với thực tiễn: Trong thời gian qua ngành thuế nói chung đã có những chiến lược và chính sách nhằm cải thiện hiệu quả trong quản lý thuế và quản lý thuế. Trong ngành đã thực hiện sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy chủ yếu theo mô hình chức năng thống nhất từ Trung ương đến địa phương: hình thành được hệ thống quản lý kê khai thuế và kế toán thuế; hình thành hệ thống quản lý theo dõi đơn đốc thu nợ thuế; tổ chức cưỡng chế các khoản thuế nợ đọng; tăng cường hệ thống kiểm tra thuế; đổi mới hệ thống tuyên truyền hỗ trợ NNT; kiện toàn hệ thống kiểm tra nội bộ trong toàn cơ quan. Song song với việc triển khai sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý thuế theo chức năng.

- Nhận thức về pháp luật, ý thức trách nhiệm của người nộp thuế và của cả cơ quan quản lý thuế ngày được nâng cao. Người nộp thuế trên địa bàn huyện đã có ý thức hơn trong việc tuân thủ pháp luật về thuế, đồng thời đã nhận thức được nghĩa vụ đóng thuế của mình. Số lượng NNT tham gia đăng ký và kê khai đóng thuế ngày càng tăng. Đồng thời, Chi cục đã tuyên truyền, phổ biến các chính sách thuế, giải đáp kịp thời những vướng mắc đến NNT.

- Công tác tuyên truyền, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức ngày càng được quan tâm theo hướng chuyên sâu và chuyên nghiệp hơn trước. Chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng đã tập trung vào việc bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ quản lý thuế cho các cán bộ thuế, vừa đảm bảo trang bị kiến thức cơ bản, nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ đồng thời đáp ứng được yêu cầu, phục vụ kịp thời, thiết thực đối với công tác quản lý của ngành.

2.3.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả trên, công tác quản lý thuế TNCN tại Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc vẫn còn những hạn chế.

Thứ nhất, chưa kiểm soát được mọi nguồn thu nhập của người nộp thuế

Quản lý thu nhập của đối tượng lao động có thể được xem là khâu quan trọng nhất trong quản lý thuế. Đó cũng là nhiệm vụ khó khăn và vất vả nhất đối với những người quản lý thuế TNCN. Nguồn hình thành thu nhập cá nhân rất đa dạng và phức tạp. Đối với những khoản thu nhập từ tiền lương tiền công thì cơ quan thuế có thể kiểm soát qua đơn vị chi trả thu nhập, nhưng khoản thu nhập làm thêm thì vẫn chưa có giải pháp quản lý tối ưu. Thu nhập từ đi họp, dự hội nghị, nhận quà tặng đối với các cán bộ thuộc khu vực nhà nước, thu nhập của cá nhân hành nghề tự do, thu nhập từ các hoạt động giảng dạy, luyện thi, thu nhập của đối tượng là bác sỹ, nghệ sỹ... cơ quan thuế khó có thể kiểm soát được một cách chính xác đó đó dẫn đến tình trạng nợ thuế mà chính NNT cũng không nắm được và cơ quan thuế cũng không thu đúng số thuế, gây thất thu NSNN.

Các giao dịch thanh toán bằng tiền mặt mỗi khi mua hàng hóa và cung ứng dịch vụ trên thị trường hiện nay vẫn khá phổ biến và phức tạp. Việc giao dịch bằng tiền mặt dẫn đến khó khăn cho cơ quan thuế khi xác định thu nhập.

Thứ hai, bỏ lỡ các nguồn thu từ thu nhập vắng lai

Việc khấu trừ tại nguồn còn chưa thực hiện tốt, nhiều khoản chi trả thu nhập phải thực hiện khấu trừ tại nguồn theo quy định nhưng các cơ quan chi trả không thực hiện khấu trừ. Theo quy định cá nhân có 2 nguồn thu nhập trở lên thì phải đăng ký kê khai quyết toán với cơ quan thuế. Tuy nhiên trên thực tế cho thấy số lượng người nộp thuế đến quyết toán ở cơ quan thuế rất ít, chiếm tỉ trọng không đáng kể so với số liệu cơ quan thuế kết xuất để rà soát hàng năm. Điều này gây khó khăn cho cơ quan thuế trong việc đôn đốc NNT kê khai, nộp thuế đúng thời hạn dẫn tới chậm muộn hồ sơ kê khai, thất thoát nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

Thứ ba, công tác thanh tra, kiểm tra thuế thu nhập cá nhân chưa được chú trọng

Công tác thanh tra, kiểm tra thuế trên địa bàn huyện Tứ Kỳ nói riêng hiện nay chưa được thực hiện thường xuyên, chất lượng không cao. Công tác này chưa được

sự quan tâm sát sao của các cơ quan chức năng, chính vì vậy tạo điều kiện cho nhiều sai trái nảy sinh.

Việc nghiên cứu xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra dựa trên cơ sở phân tích thông tin về người nộp thuế còn chậm, thu thập và phân tích thông tin chưa tốt, tổng thu nhập chịu thuế mà các cá nhân kê khai cũng như các thông tin giảm trừ gia cảnh chưa được kiểm tra, xác minh. Việc triển khai phối hợp với các cấp các ngành trong việc trao đổi thông tin, hỗ trợ nghiệp vụ, phối hợp liên ngành, nhằm phát hiện ngăn chặn và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật về thuế còn chưa chặt chẽ và hiệu quả thấp.

Hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế chủ yếu vẫn theo các phương pháp thủ công, truyền thống, số lượng công nghệ tin học kết tinh vào hoạt động thanh tra, kiểm tra rất thấp, việc áp dụng công nghệ tin học vào hoạt động thanh tra, kiểm tra chủ yếu mang tính tự phát.

Hệ thống chỉ tiêu phân tích, các tiêu chuẩn về đánh giá mức độ vi phạm, phân loại đối tượng để xác định phạm vi thanh tra chưa rõ ràng, gây khó khăn cho việc chọn đối tượng để thanh tra.

Kiến thức, kỹ năng về chế độ kế toán, chính sách tài chính, chính sách thuế, nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra của một bộ phận công chức thanh tra kiểm tra thuế còn hạn chế đã ảnh hưởng tới năng suất và chất lượng của hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế.

2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế

Sau khi tìm hiểu thực trạng công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn tỉnh Hải Dương, có thể nhận thấy công tác quản lý vẫn tồn đọng nhiều hạn chế, thiếu sót. Những hạn chế này được nhận định do những nguyên nhân sau:

Nguyên nhân khách quan

Sự biến động nhanh của nền kinh tế.

Thực tế từ năm 2020 đến nay, do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng, suy thoái toàn cầu dẫn đến giá cả hàng hoá, dịch vụ tăng cao, ngoài ra sự ảnh hưởng của dịch covid cũng tác động không nhỏ đến nền kinh tế nước ta.

Do đó, một số quy định trong Luật Thuế TNCN như mức giảm trừ gia cảnh, biểu thuế lũy tiến từng phần bộc lộ một số tồn tại, hạn chế, chưa phù hợp với thực tiễn.

Ý thức của người dân về thuế TNCN vẫn còn thấp.

Ở những quốc gia phát triển, thuế TNCN đã có lịch sử hàng trăm năm và do đó người dân cảm thấy quen với nghĩa vụ đóng thuế. Ở Việt Nam nói chung và Tứ Kỳ nói riêng, mặc dù thuế TNCN từ việc nhận biếu tặng, chuyển nhượng,... hiện nay người dân chưa quen với tâm lí là người nộp thuế. Chính vì vậy, trừ những trường hợp khấu trừ thuế tại nguồn được các tổ chức chi trả thu nhập thực hiện đối với thu nhập của những người làm công ăn lương hoặc người cung cấp dịch vụ, còn lại những cá nhân hành nghề tự do thường không thực hiện nghĩa vụ kê khai và nộp thuế. Bên cạnh đó những cá nhân có từ hai nguồn thu nhập trở lên vẫn ngại tự mình kê khai, quyết toán thuế TNCN.

Nguyên nhân chủ quan

Cơ sở vật chất chưa được đầu tư bài bản.

Mặc dù đã được quan tâm đầu tư, điều kiện vật chất của ngành thuế còn lạc hậu, hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý chưa được nâng cấp. Việc trao đổi thông tin giữa các ngành thuế với các ngành liên quan chưa chặt chẽ, không đầy đủ làm giảm tính khả thi, chính xác và hiệu quả trong công tác quản lý thuế. Hiện nay ngành thuế đã triển khai áp dụng ứng dụng TMS với nhiều tính năng: đăng ký thuế, xử lý tờ khai, quyết định, xử lý chứng từ thu nộp thuế, kế toán thuế và quản lý nợ. Tuy nhiên, công tác xử lý ứng dụng đường truyền của công thông tin này vẫn còn nhiều bất cập, hay xảy ra tình trạng nghẽn đường truyền.

Trình độ của cán bộ thuế còn nhiều hạn chế.

Ngành thuế đã tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ nhưng mới chỉ tập trung vào một số cán bộ chủ chốt, chưa đào tạo rộng rãi tới đội ngũ đông đảo cán bộ trực tiếp quản lý ở các địa phương. Đối với thuế TNCN luôn có chỉnh sửa thì việc đào tạo nghiệp vụ cho cán bộ thuế lại càng trở nên quan trọng. Vì vậy, trình độ chuyên môn của cán bộ thuế ở cấp cơ sở còn thấp. Nhiều cán bộ chưa nắm được kiến thức cơ bản về luật thuế ngay trong lĩnh vực chuyên môn mình đảm nhận. Do đó hiện tượng trốn thuế vẫn còn tồn tại.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc giai đoạn 2022 - 2024 đã đạt được những kết quả nhất định, số thu năm sau luôn cao hơn năm trước, đó là động lực cho sự phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được thì công tác quản lý thuế TNCN còn những mặt hạn chế nhất định, kết quả thu chưa tương xứng với điều kiện, tiềm năng của địa phương. Mặc dù đã áp dụng đồng bộ nhiều biện pháp tích cực có hiệu quả song công tác quản lý thuế TNCN tại huyện Tứ Kỳ vẫn gặp rất nhiều khó khăn và còn bộc lộ những yếu kém, hạn chế nhất định.

Để công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc có bước đột phá, đem lại hiệu quả cao trong những năm tiếp theo đòi hỏi cơ quan thuế cần phải có những giải pháp khắc phục yếu kém, nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn. Những hạn chế tồn tại được tác giả đưa ra trong chương 2 sẽ là cơ sở để đưa ra giải pháp hoàn thiện công tác quản lý trong chương 3.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TỨ KỲ CỦA CHI CỤC THUẾ KHU VỰC TỨ LỘC

3.1. Quan điểm, định hướng, mục tiêu hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc

3.1.1. Quan điểm

Nhằm mục đích đảm bảo đúng chủ trương, chính sách, pháp luật thuế trong từng giai đoạn, Quốc hội đã ban hành Luật Quản lý thuế có hiệu lực thi hành từ 01/07/2007 và Luật Thuế TNCN số 04/2007/QH12 có hiệu lực từ 01/01/2009 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 26/2012/QH13 có hiệu lực từ 01/7/2013. Đây là bước tiến mới trong quản lý thuế theo hướng tiên tiến, hiện đại. Nội dung quản lý thuế đã thể hiện rõ hiện đại hoá toàn diện công tác quản lý thuế cả về phương pháp quản lý, thủ tục hành chính, bộ máy tổ chức, đội ngũ cán bộ, áp dụng rộng rãi công nghệ thông tin để nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, kiểm soát cho được tất cả người nộp thuế, thu nhập chịu thuế, hạn chế thất thu thuế ở mức thấp nhất, bảo đảm thu đúng, thu đủ và kịp thời các khoản thu vào NSNN. Đẩy mạnh cải cách hành chính trong công tác quản lý thuế nhằm nâng cao quyền hạn, trách nhiệm và hiệu lực của bộ máy quản lý thuế; đã quy định rõ nghĩa vụ, trách nhiệm của đối tượng chịu thuế, cơ quan thuế và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Bổ sung quyền cưỡng chế thuế, điều tra các vụ vi phạm về thuế cho cơ quan thuế, áp dụng cơ chế tự khai, tự nộp thuế trên phạm vi toàn quốc. Thực hiện tuyên truyền, giáo dục về thuế bằng nhiều hình thức phong phú để nâng cao ý thức tự giác tuân thủ pháp luật của người nộp thuế; khuyến khích và phát triển mạnh mẽ các dịch vụ tư vấn, kế toán thuế; mở rộng diện nộp thuế theo phương pháp kê khai.

Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc tổ chức chỉ đạo thực công tác quản lý thuế TNCN đi theo đúng chủ trương đường lối của Nhà nước và quan điểm của Tổng cục thuế. Cụ thể, quan điểm của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc trong việc hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN đạt mục tiêu nâng cao hiệu quả thu ngân sách nhà nước như sau:

Đảm bảo công bằng trong nghĩa vụ thuế.

Nguyên tắc cơ bản của thuế là công bằng, nghĩa là người nộp thuế phải có nghĩa vụ vật chất đối với NSNN phù hợp với thực tế thu nhập của mình, do vậy quan điểm xây dựng các biện pháp quản lý thuế phải coi trọng nguyên tắc này nhằm động viên sức lực người nộp thuế cho công cuộc xây dựng đất nước nói chung và xây dựng huyện Tứ Kỳ nói riêng, qua đó gắn kết nghĩa vụ, quyền lợi của người nộp thuế với nghĩa vụ quyền lợi của quốc gia, như thế sự phát triển mới mang tính cộng đồng và bền vững.

Trong điều kiện hiện nay kinh tế còn chưa phát triển, ý thức chấp hành pháp luật của người nộp thuế còn chưa tốt, tính tự giác chưa cao. Do vậy tăng cường các biện pháp quản lý thuế phải đảm bảo tính công bằng giữa các cá nhân, các tổ chức chi trả thu nhập góp phần vào việc thực hiện công bằng xã hội.

Đảm bảo thực hiện đúng pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý thuế.

Hiệu quả quản lý thuế được đánh giá theo các chỉ tiêu như: hiệu quả thu, số thu thực tế so với dự toán giao, tốc độ tăng thu hàng năm. Ngoài ra hiệu quả quản lý thuế còn được đánh giá ở các tiêu chí khác như: ý thức tự giác chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của người nộp thuế được nâng lên; số người kê khai thuế đúng hạn, chất lượng kê khai được nâng lên; kết quả thanh tra, kiểm tra thuế được nâng lên cả về số lượng và chất lượng; số nợ thuế phải giảm dần...

Củng cố và kiện toàn tổ chức bộ máy ngành thuế tỉnh Hải Dương phù hợp với yêu cầu quản lý trong giai đoạn mới. Đào tạo đội ngũ cán bộ công chức thuế có năng lực, trình độ, có phẩm chất đạo đức, đối tượng đào tạo, bồi dưỡng tập trung chủ yếu là cán bộ, công chức trong độ tuổi còn trẻ và trực tiếp làm việc tại các lĩnh vực theo chức năng quản lý thuế. Năm 2024 Cục thuế đã tổ chức tập huấn bồi dưỡng cho 1.738 lượt cán bộ công chức của các chi cục, cử 78 lượt cán bộ tham gia các đợt tập huấn do Bộ Tài chính và Tổng cục thuế tổ chức về nghiệp vụ thuế, Ngoài ra Cục thuế còn chủ động liên hệ phối hợp với các Trung tâm đào tạo thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức tin học, Quản lý nhà nước...

Thường xuyên nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu, tăng thu cho NSNN. Tăng cường công tác phân tích, dự báo,

theo dõi sát tình hình kinh tế xã hội và các nhân tố ảnh hưởng đến thu ngân sách, chủ động tham mưu chu UBND các cấp kịp thời tháo gỡ khó khăn cho người nộp thuế phát triển sản xuất kinh doanh góp phần ổn định kinh tế vĩ mô đóng góp tích cực nguồn thu cho ngân sách.

Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính hiện đại hoá ngành thuế, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể trong việc thực hiện nhiệm vụ thu NSNN.

Hoàn thiện của công tác quản lý thuế TNCN phải đảm bảo tăng thu ngân sách từ thuế nhưng vẫn phải đảm bảo lợi ích cho các cá nhân, khuyến khích đóng góp nguồn lực kinh tế của cá nhân, tổ chức vào xã hội.

Cơ sở của quan điểm này là nguyên tắc lịch sử cụ thể của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Theo đó, chính sách thuế nói chung và chính sách quản lý thuế TNCN nói riêng muốn đi vào thực tế cuộc sống thì phải phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước. Mặc dù thuế là nguồn thu ngân sách chính của Nhà nước song đảm bảo tăng nguồn thu ngân sách phải gắn liền với lợi ích kinh tế chung của xã hội, nghĩa là vẫn tạo điều kiện để người nộp thuế phát triển, khuyến khích tăng trưởng. Nếu chính sách thuế không phù hợp và không tạo điều kiện thuận lợi để người nộp thuế phát triển sản xuất kinh doanh, gia tăng thu nhập có thể dẫn tới vô hiệu hoặc không phát huy đúng tác dụng như mong muốn.

3.1.2. Định hướng

Theo chỉ thị về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và lập kế hoạch đầu tư công 5 năm giai đoạn 2026 - 2030 của UBND tỉnh Hải Dương, mục tiêu trong công tác thu ngân sách trong 5 năm tới được nêu cụ thể như sau: Nâng cao khả năng huy động vào NSNN, gắn với công khai, minh bạch và tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý ngân sách. Chủ động và tạo điều kiện thuận lợi khuyến khích, thu hút các thành phần kinh tế ngoài nhà nước đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh và xây dựng kết cấu hạ tầng. Từ đó, Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc đã định hướng cho công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn giai đoạn 2026-2030 như sau:

- Xây dựng đề án về thuế TNCN áp dụng đối với mọi đối tượng thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Khuyến khích mọi tầng lớp dân cư làm giàu hợp pháp tránh gây tác động tiêu cực đến nỗ lực lao động của các tầng lớp dân cư.

- Hiện đại hoá toàn diện công tác quản lý đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế và kê toán thuế trên cơ sở triển khai mở rộng dịch vụ điện tử, tạo thuận lợi và giảm thời gian của người nộp thuế. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người nộp thuế thông qua các quy định đơn giản, dễ hiểu dễ áp dụng về kê khai nộp thuế, quyết toán thuế với những biện pháp khuyến khích hợp lý nhằm tiết kiệm thời gian và giảm chi phí cho người nộp thuế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý thuế; Sử dụng các ứng dụng công nghệ còn làm giảm thiểu các gian lận về thuế; Tăng cường tính liên kết giữa các tổ chức, cơ quan chức năng như Sở nội vụ, Sở Văn hóa - Thông tin & Du lịch, Sở Lao động - Thương binh & Xã hội, Kho bạc, Ngân hàng... nhằm hỗ trợ công tác quản lý, thanh tra, giám sát một cách hiệu quả nhất.

3.1.3. Mục tiêu

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 về việc phê duyệt chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030. Theo đó, mục tiêu cải cách thuế TNCN giai đoạn 2026-2030 là: Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách thuế gắn với cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bao quát toàn bộ các nguồn thu, mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới, phù hợp với thông lệ quốc tế; bảo đảm tỷ trọng thu nội địa, tỷ trọng giữa thuế gián thu và thuế trực thu ở mức hợp lý, khai thác tốt thuế, phí và lệ phí thu từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường; hạn chế tối đa việc lồng ghép chính sách xã hội trong pháp luật thuế và chính sách miễn, giảm, bảo đảm tính trung lập của thuế, hướng tới một hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, bảo đảm huy động hợp lý các nguồn lực cho ngân sách nhà nước, đồng thời, góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công bằng, khuyến khích đầu tư, thúc đẩy cạnh tranh, điều tiết thu nhập hợp lý, phù hợp với quá trình hội nhập, phát triển của nền kinh tế.

Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc đã xây dựng mục tiêu, yêu cầu thực hiện nhiệm vụ nói chung và thực hiện Luật Thuế TNCN nói riêng giai đoạn 2026-2030 cụ thể:

- Phân đầu hoàn thành vượt mức nhiệm vụ thu ngân sách hàng năm. Thi đua khai thác nguồn thu, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, chống thất thu có hiệu quả.

- Đẩy mạnh các biện pháp đơn đốc nợ đọng thuế, phân đầu giảm số thuế nợ đọng xuống mức thấp nhất. Đẩy mạnh cải cách và hiện đại quản lý thu, hoàn thành vượt mức kế hoạch cải cách và hiện đại hóa đã được Tổng Cục Thuế phê duyệt.

- Nâng cao kỷ luật, kỷ cương, cải cách lề lối làm việc, thái độ, tác phong ứng xử, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác, phục vụ tốt nhất cho người nộp thuế.

- Triển khai hình thức kê khai thuế qua mạng Internet, phân đầu đến hết năm 2030 có 100% doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kê khai thuế qua mạng Internet và nộp thuế điện tử.

- Đến năm 2025: tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân không thấp hơn 16% GDP, trong đó, tỷ lệ huy động từ thuế, phí khoảng 13 - 14% GDP; tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu ngân sách nhà nước phân đầu đến năm 2025 đạt khoảng 85 - 86%. Trong giai đoạn đầu tập trung hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khắc phục khó khăn, phục hồi sản xuất, kinh doanh do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh Covid-19.

- Đến năm 2030: tỷ lệ huy động vào ngân sách Nhà nước khoảng 16 - 17% GDP, trong đó, tỷ lệ huy động từ thuế, phí khoảng 14 - 15% GDP; tỷ trọng thu nội địa trong tổng thu ngân sách nhà nước phân đầu đến năm 2030 đạt khoảng 86 - 87%.

- Giảm nợ đọng thuế, phân đầu đến năm 2030 tổng số nợ thuế TNCN không quá 0,1% tổng số thuế nộp NSNN.

3.2. Các giải pháp nhằm hoàn thiện quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc

Nguồn thu từ thuế TNCN chiếm tỷ trọng ngày càng cao và giữ vị trí quan trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn. Trong xu hướng nền kinh tế quốc dân ngày càng phát triển làm cho nhiệm vụ quản lý ngày càng khó khăn phức tạp, đòi hỏi công tác quản lý thuế TNCN cần có những giải pháp phù hợp với sự phát triển của doanh nghiệp và người nộp thuế. Vì thế, hoàn thiện quản lý thuế TNCN là vấn đề đặt ra hàng đầu đối với Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc.

3.2.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế

a. Mục tiêu của giải pháp

Hiện nay ý thức tuân thủ pháp luật thuế của người nộp thuế còn nhiều hạn chế, người nộp thuế chưa có thói quen tự tìm hiểu pháp luật thuế để thực hiện tốt nghĩa vụ thuế của mình. Để đưa công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật thuế thành khâu trọng tâm trong cơ chế tự khai, tự nộp thì ngành thuế cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền hỗ trợ.

b. Nội dung, cách thức thực hiện giải pháp

- Luôn đổi mới hình thức, phương pháp, nội dung tuyên truyền để người nộp thuế nhận thức đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình. Phát triển đa dạng, phong phú các hình thức tuyên truyền, chú trọng vào chiều sâu có tính giáo dục, thuyết phục cao như: tìm hiểu pháp luật thuế, phát hành ấn phẩm, tờ rơi, thư ngỏ về thuế, đưa pháp luật thuế vào giảng dạy trong trường học. Triển khai sâu rộng công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật thuế dưới nhiều hình thức như tuyên truyền, phổ biến thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, thông qua các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức Đảng, đoàn thể, chính quyền các cấp.

- Biên soạn và phát hành ấn phẩm tuyên truyền ngắn gọn, dễ hiểu, dễ làm dưới dạng tờ rơi về nội dung cơ bản của các Luật thuế, hướng dẫn quy trình thủ tục về thuế ... theo hướng dễ nhớ, dễ hiểu và cung cấp miễn phí tại cơ quan thuế, ở nơi làm thủ tục đăng ký kinh doanh và các khu vực tập trung đông người như: chợ, siêu thị, ...

- Triển khai hệ thống hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp dưới nhiều hình thức, triển khai thường xuyên hơn chương trình lắng nghe ý kiến người nộp thuế, phát triển mạnh hình thức hỗ trợ doanh nghiệp qua thư điện tử hay trang thông tin điện tử của ngành thuế, xây dựng các trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp qua điện thoại.

Tổ chức hội thảo về chính sách thuế trong nội bộ ngành thuế nhằm thảo luận các vấn đề còn vướng mắc để giải quyết kịp thời đi đến thông nhất thực hiện.

- Có thể xây dựng một trang điện tử đơn giản mang tính chất nội bộ ngành để từng cán bộ công chức truy cập vào đó nêu các ý tưởng cá nhân về thay đổi chính sách thuế, các hình thức tuyên truyền có hiệu quả hơn hay tham gia về các quy trình hiện tại cần cải tiến theo chiều hướng mới... các ý kiến đó phải mang tính chất xây dựng với mục tiêu làm cho công tác quản lý thuế ngày càng hoàn thiện, tiến bộ hơn, các sáng kiến sẽ có bộ phận biên tập, nếu được áp dụng thì có khen thưởng kịp thời cho tác giả.

- Xây dựng và phát triển thêm các hình thức hỗ trợ như:

+ Đổi mới và nâng cao tiện ích khi thực hiện thủ tục hành chính về thuế cho doanh nghiệp như: cung cấp dịch vụ thuế điện tử; hỏi đáp qua trang Web; triển khai hình thức cung cấp, tra cứu hoặc trao đổi thông tin về hình thức thực hiện nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp qua cổng thông tin điện tử, qua mạng điện thoại di động, qua thiết bị điện tử.

+ Phát triển các dịch vụ hỗ trợ thông qua cơ chế hợp tác với hệ thống Ngân hàng thương mại, Kho bạc Nhà nước, nhằm tuyên truyền, vận động, hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện kê khai nộp thuế theo đúng quy định.

+ Lựa chọn, bố trí cán bộ có trình độ, kinh nghiệm để phục vụ trong bộ phận tuyên truyền, hỗ trợ. Xây dựng đội ngũ tuyên truyền đủ mạnh, với đội ngũ tuyên truyền viên chuyên nghiệp, phấn đấu 100% cán bộ thuế đều là tuyên truyền viên thuế.

c. Điều kiện thực hiện giải pháp

- Đáp ứng các điều kiện làm việc của cán bộ tuyên truyền hỗ trợ như trang bị đầy đủ các thiết bị để phục vụ công tác tuyên truyền như máy quay phim, máy chụp hình, máy ghi âm ... để thu thập tin, ảnh và truyền tin; cung cấp máy tính xách tay, máy chiếu... để phục vụ tổ chức hội nghị tập huấn và đối thoại với doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác điều tra khảo sát nhu cầu của doanh nghiệp để nghiên cứu, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho phù hợp. Phân chia các nhóm doanh nghiệp theo các tiêu chí như quy mô, ngành nghề, loại hình ... để tổ chức hội nghị đối thoại phù hợp với đặc điểm và yêu cầu theo từng nhóm đối tượng.

- Từng bước đưa giáo dục pháp luật thuế vào chương trình phổ thông phù hợp với từng cấp học, nhằm xây dựng tiềm thức đúng đắn về thuế trong mỗi công dân trong tương lai.

3.2.2. Hoàn thiện quản lý đăng ký thuế, kê khai và nộp thuế thu nhập cá nhân

a. Mục tiêu của giải pháp

Để góp phần kiểm soát chặt chẽ các đơn vị chi trả thu nhập, các nguồn thu nhập của cá nhân trên địa bàn, cơ quan thuế cần đẩy mạnh công tác đăng ký thuế, chú trọng vào việc đôn đốc kê khai và nộp thuế TNCN.

b. Nội dung và cách thức thực hiện giải pháp

- Cần có sự phối hợp thực hiện giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực thi ngân sách. Cơ chế giám sát đồng bộ cho phép ngành thuế phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc quản lý đối tượng lao động cũng như kết hợp trong công tác xử lý vi phạm là điều hết sức cần thiết. Các cơ quan chức năng cần có nghĩa vụ chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành mình thực hiện nghiêm túc công tác khấu trừ thuế TNCN trước khi chi trả. Bộ Công an phải có trách nhiệm hỗ trợ cơ quan thuế trong việc xử lý các trường hợp vi phạm có hành vi chống đối lại cơ quan thuế, không chịu thực hiện các thông báo xử phạt của cơ quan thuế... Việc này không chỉ giảm bớt gánh nặng cho cơ quan thuế mà còn nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế TNCN.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thuế là một trong những giải pháp mang tính đột phá để ngành Thuế đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong thực hiện nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Công nghệ thông tin không chỉ giúp cho công tác quản lý thuế tốt hơn, mà còn tạo thuận lợi cho người nộp thuế. Nếu như trước đây, việc khai thuế, nộp thuế điện tử chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp, tổ chức, thì hiện nay người nộp thuế là cá nhân, hộ kinh doanh cũng có thể đăng ký và kê khai thuế một cách dễ dàng.

- Dịch vụ thuế điện tử (eTax) là một minh chứng rõ ràng nhất trong việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin hướng đến người nộp thuế. Bên cạnh đó, ngành thuế đã và đang thực hiện triển khai ứng dụng thuế điện tử dành cho thiết bị di động.

Bên cạnh việc hỗ trợ các chức năng đã cung cấp trên hệ thống thuế điện tử, ứng dụng thuế điện tử dành cho thiết bị di động sẽ cung cấp các dịch vụ nâng cao mang tính trải nghiệm cho người dùng và bổ sung chức năng tra cứu nghĩa vụ thuế và hỗ trợ nộp thuế điện tử thông qua liên kết với ứng dụng thanh toán của ngân hàng.

c. Điều kiện thực hiện giải pháp

- Để cơ chế tự khai, tự nộp thuế có hiệu quả, cần tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức hệ thống thông tin dịch vụ kế toán, kê khai và tính thuế. Đồng thời cần có lộ trình triển khai thực hiện phù hợp, từng bước từ đơn giản đến phức tạp, từ thấp đến cao, chia theo từng nhóm để quản lý, nên có cơ chế khuyến khích các đối tượng nộp thuế tự nguyện áp dụng phương pháp tự khai, tự nộp thuế.

- Các cơ quan ban ngành tại địa phương cần phối kết hợp chặt chẽ hơn nữa với cơ quan thuế trong công tác quản lý thuế trên địa bàn nhằm phát hiện đưa vào quản lý kịp thời các nguồn thu mới phát sinh.

3.2.3. Hoàn thiện công tác thanh tra, kiểm tra thuế

a. Mục tiêu của giải pháp

Thực hiện mô hình quản lý thuế theo chức năng thì chức năng thanh tra, kiểm tra đóng vai trò quan trọng trong quản lý thuế. Chức năng thanh tra, kiểm tra cần phải được tăng cường và chú trọng hơn. Mục tiêu hàng đầu của thanh tra, kiểm tra thuế là đảm bảo thi hành pháp luật thuế nghiêm minh từ cả hai phía doanh nghiệp và cơ quan thuế, loại trừ mọi biểu hiện gian lận thuế và những hiện tượng tiêu cực của công chức ngành thuế.

b. Nội dung, cách thức thực hiện giải pháp

Để nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác thanh tra, kiểm tra thuế, cần phải hoàn thiện theo hướng:

- Tăng cường thu thập thông tin để xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất và toàn diện về doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt động và thực hiện nghĩa vụ thuế. Những thông tin cơ bản về doanh nghiệp gồm: thông tin về đặc điểm, quy

mô, kết quả SXKD, thông tin quan hệ với các ngân hàng, thông tin về nộp thuế và vi phạm pháp luật thuế ...

- Xây dựng phần mềm hỗ trợ để lựa chọn đối tượng thanh tra, kiểm tra dựa trên cơ sở phân tích rủi ro về thuế. Tức là chọn đối tượng thanh tra, kiểm tra qua kết quả phân tích thông tin, nghiên cứu các dấu hiệu vi phạm từ hệ thống cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp.

- Tăng cường lực lượng thanh tra, kiểm tra thuế cả về số lượng và chất lượng. Hệ thống thanh tra kiểm tra thuế phải đủ mạnh để phát hiện kịp thời các hành vi gian lận thuế. Xây dựng lực lượng thanh tra, kiểm tra chiếm khoảng 30% tổng số cán bộ thuế, có trình độ chuyên sâu về thuế, kế toán tài chính, có kiến thức về ngoại ngữ, tin học và có phẩm chất đạo đức tốt.

- Xây dựng các chuyên đề thanh tra, tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thanh tra theo chuyên đề và phổ biến kinh nghiệm trong công tác thanh tra. Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ năng thanh tra theo chuyên ngành cho cán bộ thanh tra, kiểm tra thuế.

c. Điều kiện thực hiện giải pháp

Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, trao đổi nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra trong ngành nhằm nâng cao trình độ nghiệp vụ, tính chuyên sâu, chuyên nghiệp cho lực lượng cán bộ công chức thanh tra, kiểm tra thuế. Công bố kịp thời và rộng rãi kết quả thanh tra, kiểm tra để doanh nghiệp thấy được tính nghiêm minh của pháp luật, khả năng khó che dấu hành vi vi phạm pháp luật thuế.

3.2.4. Tăng cường đơn đốc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế

a. Mục tiêu của giải pháp

Nợ đọng cũng là một công tác trọng tâm cần chú ý trong việc quản lý thuế TNCN. Thu nợ đọng thuế TNCN là công việc của bộ phận quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế, để ngăn chặn việc trốn thuế, nợ thuế cơ quan thuế luôn quan tâm đến việc tìm ra các giải pháp hiệu quả khắc phục những khoản nợ đọng khó thu trên địa bàn.

b. Nội dung, cách thức thực hiện giải pháp

Trong giai đoạn vừa qua công tác thu nợ còn nhiều hạn chế, nợ đọng thuế vẫn có chiều hướng gia tăng. Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu nợ và cưỡng chế nợ thuế, cần phải thực hiện một số giải pháp sau:

- Tăng cường công tác vận động, tuyên truyền, giải thích làm cho doanh nghiệp hiểu rõ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, nâng cao ý thức tự giác chấp hành nghĩa vụ nộp thuế vào NSNN đúng thời hạn quy định. Thường xuyên nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, quan tâm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, tạo điều kiện để doanh nghiệp từng bước khắc phục khó khăn, ổn định SXKD có kế hoạch nộp nợ đọng vào NSNN.

- Tổng hợp, theo dõi được chính xác số thuế nợ của từng doanh nghiệp theo từng sắc thuế, tuổi nợ. Phân loại nợ và phân tích nguyên nhân nợ đến từng doanh nghiệp theo tiêu chí như: nợ do khó khăn về kinh tế, nợ do ý thức chấp hành pháp luật thuế, nợ do doanh nghiệp bỏ trốn, mất tích, phá sản hay nợ do lỗi chủ quan của cơ quan thuế để có biện pháp xử lý phù hợp và kịp thời theo quy định của pháp luật.

- Giao chỉ tiêu thu nợ thuế cho các Chi cục thuế và từng cán bộ trực tiếp quản lý thu nợ, coi đây là tiêu chí để đánh giá, bình xét thi đua cùng tập thể và cá nhân. Đồng thời có chính sách khen thưởng, động viên kịp thời những tập thể và cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ nợ thuế.

- Xây dựng quy chế phối hợp giữa các cơ quan như: Công an, Thanh tra, Hải quan, Quản lý thị trường, Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng trong việc thu nợ và cưỡng chế nợ thuế. Kịp thời báo cáo chính quyền các cấp để chỉ đạo các ngành chức năng trên địa bàn phối hợp với cơ quan thuế tổng việc đôn đốc nợ đọng và thực hiện các biện pháp cưỡng chế nợ thuế.

- Thực hiện lần lượt các biện pháp cưỡng chế để thu nợ thuế theo quy định của Luật quản lý thuế, tuy nhiên để công tác cưỡng chế nợ thuế đem lại hiệu quả hơn, cần tập trung thu thập thông tin về doanh nghiệp để thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do tổ chức cá nhân khác đang nắm giữ.

- Chọn lọc một số doanh nghiệp nợ đọng thuế lớn, kéo dài nhiều năm cố tình không nộp, chuyển cơ quan Công an xử lý theo quy định của pháp luật nhằm răn đe

các đối tượng cố tình coi thường pháp luật thuế, đồng thời qua đó nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế của doanh nghiệp trên địa bàn.

- Thường xuyên thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, cập nhật đăng tải trên Web của ngành thuế các trường hợp dây dưa nợ đọng thuế lớn để các doanh nghiệp ý thức được trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế với NSNN.

c. Điều kiện thực hiện giải pháp

- Các bộ phận chức năng như thanh tra, kiểm tra, kê khai và kế toán thuế phải thường xuyên phối hợp chặt chẽ với bộ phận thu nợ và cưỡng chế nợ thuế trong công tác rà soát số thuế nợ, cung cấp thông tin về người nộp thuế để công tác quản lý thu nợ có sức mạnh tổng hợp và đem lại hiệu quả hơn.

- Chú trọng tới công tác cán bộ, phân công cán bộ có năng lực chuyên môn, trách nhiệm cao làm việc ở các bộ phận quản lý thu nợ. Tăng cường về số lượng cán bộ (*trung bình hiện nay chiếm 8,2% trên tổng cán bộ*) bồi dưỡng nghiệp vụ kỹ năng cho đội ngũ cán bộ quản lý nợ và cưỡng chế theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp.

3.2.5. Nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ công chức

a. Mục tiêu của giải pháp

Xây dựng và tổ chức bộ máy quản lý thuế hiệu lực, hiệu quả phù hợp với yêu cầu thực thi nhiệm vụ của ngành và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại theo nguyên tắc tập trung thống nhất. Hiện nay một số chức năng của bộ máy cơ quan thuế vẫn còn chống chéo nguồn nhân lực, phân bổ không hợp lý, các chức năng quan trọng thì bộ máy nhỏ, ít cán bộ trong khi các chức năng phục vụ nội bộ thì chồng chéo và biên chế quá lớn.

b. Nội dung, cách thức thực hiện giải pháp

Để thực hiện mục tiêu xây dựng bộ máy cơ quan thuế toàn diện, hợp lý cùng đội ngũ cán bộ công chức giỏi, yêu nghề, cơ quan thuế cần tập trung những nội dung:

- Bố trí sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp theo hướng tăng cường nguồn nhân lực cho những chức năng quản lý thuế chính, trong đó cán bộ thanh tra, kiểm tra thuế chiếm 30% trên tổng số cán bộ công chức.

- Chú trọng công tác tuyển dụng và đào tạo đối với cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ để đáp ứng các yêu cầu của nền kinh tế hội nhập và phục vụ nhiều thời gian công tác cho ngành.

- Nâng cao chất lượng công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ:

+ Xây dựng một đội ngũ cán bộ thuế có kiến thức sâu, chuyên môn vững có tâm huyết với ngành để phục vụ công tác giảng dạy cho cán bộ thuế.

+ Xây dựng được mô hình chuẩn về đào tạo cán bộ thuế, trong đó quy định rõ cách thức đào tạo cho từng loại cán bộ, công chức với mục tiêu chuyên sâu, chuyên nghiệp, chú trọng kỹ năng về quản lý thuế hiện đại, kỹ năng ứng xử trong quan hệ công việc với nội bộ ngành và với các tổ chức, cá nhân nộp thuế, cách thức đào tạo cần cụ thể với các tình huống có thể phát sinh trong thực tế để khi có sự điều động giữa các bộ phận các cán bộ này đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ ngay.

+ Xây dựng cụ thể quy chế và giành thời gian, kinh phí cho công tác đào tạo hàng năm. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuế bằng việc kết hợp nhiều hình thức như đào tạo tập trung, đào tạo qua mạng trực tuyến.

+ Xây dựng hệ thống chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ thuế phù hợp với từng loại công chức, từng loại hình bồi dưỡng.

+ Xây dựng hệ thống đánh giá cán bộ, công chức làm cơ sở xác định các kỹ năng, kiến thức còn thiếu, yếu của cán bộ công chức, từ đó xác định được nội dung bồi dưỡng cho phù hợp, hiệu quả.

+ Xây dựng tiêu chuẩn cán bộ, công chức thuế đối với từng lĩnh vực công tác, từng vị trí công việc, bảo đảm tính chuyên nghiệp để có căn cứ đánh giá, phân loại và bồi dưỡng.

- Thực hiện tốt việc đánh giá, phân loại cán bộ công chức hàng năm, đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, toàn diện và công tâm trên cơ sở đánh giá cán bộ theo năng lực và hiệu quả công việc. Việc đánh giá cán bộ công chức phải gắn với tiêu chí thi đua, khen thưởng trong ngành và tiêu chí thi đua của các tổ chức đoàn thể, tránh hình thức, tránh bình quân chủ nghĩa sẽ không những không phát huy được các nhân tố tích cực, sáng tạo trong quản lý mà còn làm thui chột các nhân tố này.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch, xây dựng tiêu chuẩn cán bộ, công chức thuế đối với từng lĩnh vực công tác, từng vị trí công việc. Tăng cường công tác luân phiên, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác. Những vị trí công tác cần có nhiều kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ như thanh tra, kiểm tra, tuyên truyền hỗ trợ thì nên kéo dài thời hạn luân phiên chuyển đổi vị trí công tác.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức thuế, có hình thức xử lý nghiêm minh, kịp thời đối với cán bộ có vi phạm nhằm nâng cao kỷ cương, kỷ luật trong ngành thuế.

c. Điều kiện thực hiện giải pháp

- Cải cách chính sách tiền lương cho công chức, người lao động phù hợp với chức năng nhiệm vụ, năng lực chuyên môn đảm bảo đời sống sinh hoạt cho toàn thể công chức trong ngành.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ công chức đi học tập, trao đổi kinh nghiệm tại các lớp đào tạo nghiệp vụ hay các tọa đàm trao đổi kinh nghiệm hợp tác.

- Xây dựng các tiêu chuẩn về chất lượng cán bộ, công chức làm động lực học tập rèn luyện cho công chức, người lao động.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Sau khi nghiên cứu thực trạng quản lý thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tác giả nhận thấy công tác quản lý thuế TNCN tại địa bàn còn một số tồn tại cần giải quyết.

Căn cứ vào thực trạng cũng như những hạn chế và nguyên nhân được trình bày trong chương 2, chương 3 tác giả đưa ra một số giải pháp hoàn thiện quản lý thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương trong thời gian tới. Đề án đề xuất một số giải pháp đối với cả cơ quan thuế, các ban ngành liên quan cũng như người nộp thuế trên địa bàn để sẽ góp phần hoàn thiện hơn công tác quản lý thuế TNCN, phù hợp với thực tiễn hoạt động.

KẾT LUẬN

Để đảm bảo phát triển kinh tế, xã hội ổn định, bền vững và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, việc tiếp tục hoàn thiện các chính sách tài chính trong đó hệ thống chính sách thuế nói chung, thuế TNCN nói riêng là hết sức cần thiết, nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ phân bổ nguồn lực đồng thời giải quyết tốt các mối quan hệ giữa tiết kiệm, đầu tư và tiêu dùng, giữa tăng trưởng với công bằng xã hội và xoá đói giảm nghèo. Luật thuế thu nhập cá nhân là một chính sách đúng đắn thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực tài chính, bảo đảm tính khoa học, công bằng, minh bạch. Để đưa Luật thuế thu nhập cá nhân vào thực tế, được cuộc sống chấp nhận cần phải đặc biệt coi trọng quá trình quản lý thuế TNCN.

Quản lý thuế TNCN là vấn đề lớn, rất phức tạp, liên quan đến nhiều lĩnh vực, trong phạm vi nghiên cứu của đề tài, tác giả đề án không có tham vọng trình bày toàn bộ vấn đề mà chỉ tập trung phân tích, luận giải để đưa ra những quan điểm cơ bản, những giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương trong điều kiện hiện nay.

Để thực hiện công tác quản lý thuế TNCN có hiệu quả, góp phần thực hiện tốt Luật Quản lý thuế, đảm bảo nguồn thu cho NSNN, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp: hoàn chỉnh chính sách thuế; thực hiện tốt công cuộc cải cách hành chính thuế; cải tiến tổ chức bộ máy tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế; hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nộp thuế, đẩy mạnh mọi hoạt động sản xuất kinh doanh thực hiện thực hiện nghĩa vụ thuế; nâng cao cơ sở hạ tầng xã hội góp phần đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, từng bước hoà nhập với kinh tế khu vực và thế giới.

Với kinh nghiệm và khả năng cho phép, tôi không thể phân tích và đánh giá một cách toàn diện, đầy đủ, toàn bộ công tác quản lý thuế TNCN, mà chỉ đi sâu phân tích những mặt chủ yếu của công tác quản lý thuế TNCN, những thiếu sót, tồn tại cơ bản và đề xuất một số giải pháp chủ yếu để áp dụng vào công tác quản lý thuế trong xu thế phát triển chung. Do đó, việc thực hiện đề tài không tránh khỏi những

thiếu sót và hạn chế. Kính mong các thầy cô góp ý giúp đỡ và tôi hy vọng rằng, các quan điểm, định hướng, giải pháp về quản lý thuế TNCN trên địa bàn huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương trong đề án nếu được thực hiện sẽ góp phần nhỏ bé vào việc thực hiện thắng lợi chính sách thuế của Nhà nước trên địa bàn huyện Tứ Kỳ cũng như trên cả nước.

Được sự giúp đỡ tận tình của PGS.TS. Phạm Văn Hùng và TS. Nguyễn Phương Ngọc tác giả đã hoàn thành đề án thạc sỹ với đề tài **“Quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tứ Kỳ của Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc”**.

Trong quá trình nghiên cứu và hoàn thiện đề tài này do vẫn còn hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm nên đề án không tránh khỏi thiếu sót, tác giả mong nhận được nhận được sự đóng góp của các Giáo sư, Tiến sỹ, các nhà khoa học để đề án được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư 156/2013/TT-BTC ban hành ngày 06/11/2013 hướng dẫn Luật quản lý thuế.*
2. Bộ Tài chính (2021), *Thông tư 40/2021/TT-BTC ban hành ngày 01/6/2021 hướng dẫn Thuế giá trị gia tăng, Thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.*
3. Bộ Tài chính (2013), *Thông tư 111/2013/TT-BTC, hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2023/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.*
4. Bộ Tài chính (2015), *Thông tư 92/2015/TT-BTC ban hành ngày 15/6/2015 hướng dẫn thực hiện thuế GTGT và thuế TNCN.*
5. Bộ Tài chính (2021), *Thông tư 80/2021/TT-BTC ban hành ngày 29/9/2021 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.*
6. Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc (2022), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2022.*
7. Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc (2023), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2023.*
8. Chi cục Thuế khu vực Tứ Lộc (2024), *Báo cáo tổng kết công tác thuế năm 2024.*
9. Quốc hội (2007), *Luật Thuế Thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 ban hành ngày 21/11/2007.*
10. Quốc hội (2012), *Luật số 26/2012/QH13 ban hành ngày 22/11/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân.*
11. Nguyễn Thị Nụ (năm 2013), *Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn huyện Tiên Du tỉnh Bắc Ninh*, luận văn thạc sĩ kinh tế trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
12. Trần Công Thành (năm 2013), *Hoàn thiện công tác quản lý thu Thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn tỉnh Trà Vinh*, luận văn thạc sĩ kinh tế trường Đại học Đà Nẵng.

13. Trịnh Thị Thu Hiền (năm 2015), *Hoàn thiện công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột*, luận văn thạc sĩ kinh tế Đại học Đà Nẵng.

14. Nguyễn Thị Mai Dung (năm 2018), *Hoàn thiện pháp luật quản lý Thuế thu nhập cá nhân ở Việt Nam hiện nay* luận án tiến sĩ luật học tại Viện Hàn lâm Khoa học và Xã hội Việt Nam, Học viện Khoa học xã hội.

15. Trần Thị Chung (năm 2021), *Hoàn thiện quản lý Thuế thu nhập cá nhân tại Cục Thuế tỉnh Đắk Nông* luận văn thạc sĩ kinh tế Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.

16. Nguyễn Quốc Dũng (năm 2022) *Quản lý Thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng cổ phần tại tỉnh Đồng Tháp*, luận văn thạc sĩ kinh tế.

17. Nguyễn Thị Lan Hương (năm 2022), *Giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế thu nhập cá nhân trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh* luận văn thạc sĩ kinh tế Trường Đại học kinh tế và Quản trị kinh doanh Đại học Thái Nguyên.

18. Nguyễn Thị Quỳnh Anh (năm 2024), *Quản lý thuế thu nhập cá nhân tại Chi cục Thuế khu vực Cẩm Bình*, luận văn thạc sĩ quản lý kinh tế Trường Đại học Hải Dương.

19. Tổng cục Thuế (2015), Quyết định số 745/ QĐ-TCT về việc ban hành quy trình tuyên truyền, hỗ trợ NNT ngày 20/04/2015.

20. Tổng cục Thuế (2015), Quyết định số 746/ QĐ-TCT về việc ban hành quy trình kiểm tra thuế ngày 20/04/2015.

21. Tổng cục Thuế (2015), Quyết định số 879/ QĐ-TCT về việc ban hành quy trình quản lý khai thuế, nộp thuế và kế toán thuế ngày 15/05/2015.

TÀI LIỆU KHÁC

22. www.gdt.gov.vn/

23. www.mof.gov.vn/

24. www.chinhphu.vn/portal/

